

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Du lịch**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Du lịch**

Mã ngành: **7810101**

THANH HÓA, THÁNG 9/2023

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên chương trình: Du lịch**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Du lịch**

**Mã ngành: 7810101**

*(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

#### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Du lịch
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Tourism
Mã ngành đào tạo:	7810101
Trường cấp bằng:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Du lịch
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: 124 tín chỉ;</li><li>- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;</li><li>- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất;</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 khung năng lực 6 bậc của Việt Nam);</li><li>- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin (IC3 hoặc tương đương).</li></ul>
Vị trí việc làm	<p><i>Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Đại học Du lịch có thể đảm nhiệm các vị trí việc làm sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhân viên, quản lý tại các doanh nghiệp du lịch:<ul style="list-style-type: none"><li>- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành, quản lý tại các doanh nghiệp lữ hành;</li><li>- Nhân viên lễ tân, nhân viên buồng, thư ký, giám</li></ul></li></ol>

	<p>sát viên, quản lý, giám đốc lễ tân, giám đốc buồng tại các khách sạn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục vụ bàn, nhân viên pha chế, đầu bếp, giám sát viên, quản lý tại các nhà hàng và đơn vị kinh doanh ẩm thực khác.</li> <li>- Nhân viên sale, quản lý, giám đốc bộ phận marketing tại các doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, nhà hàng.</li> <li>- Nhân viên lễ tân, nhân viên tổng đài, tư vấn tại các tổ chức, doanh nghiệp.</li> <li>- Chủ doanh nghiệp du lịch (start-up)</li> </ul> <p>2. Chuyên viên quản lý nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên tại Bộ Văn hoá thể thao và Du lịch; Cục Du lịch Quốc gia và các vụ chức năng;</li> <li>- Chuyên viên tại các Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch, Trung tâm xúc tiến, đầu tư, du lịch của tỉnh;</li> <li>- Chuyên viên tại các phòng Văn hoá Thông tin huyện;</li> <li>- Chuyên viên văn hoá tại các xã, phường.</li> </ul> <p>3. Nhân viên tại các tổ chức, điểm đến du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết minh viên, cán bộ quản lý tại các di sản, điểm đến du lịch</li> </ul> <p>4. Nhân viên tại các tổ chức liên quan đến du lịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu viên tại các cơ quan, tổ chức về du lịch như Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch.</li> <li>- Nhân viên tại các tổ chức phi chính phủ về văn hoá, du lịch trong và ngoài nước</li> <li>- Nhân viên tại các đại sứ quán.</li> <li>- Tiếp viên hàng không</li> </ul> <p>5. Giảng viên, trợ giảng, tư vấn tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề du lịch</p>
<p>Học tập nâng cao trình độ:</p>	<p>Người học sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước các ngành và chuyên ngành gần.</p>
<p>Chương trình tham khảo khi xây dựng</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Khoa học xã hội Nhân văn Hà Nội (<a href="http://ussh.vnu.edu.vn/">http://ussh.vnu.edu.vn/</a>)</li> <li>- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành</li> </ul>

	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ĐH KHN TPHCM ( <a href="http://hcmussh.edu.vn/">http://hcmussh.edu.vn/</a> ) - Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Cần Thơ( <a href="https://www.ctu.edu.vn/program.php?mn=5&amp;pr=dh">https://www.ctu.edu.vn/program.php?mn=5&amp;pr=dh</a> ) - Chương trình Cử nhân Quản lý du lịch quốc tế (Bachelor of International Tourism Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand) , ( <a href="http://www.aut.ac.nz/">http://www.aut.ac.nz/</a> )
Thời gian cập nhật bản mô tả:	9/2023

## II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Du lịch có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn; có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức cơ bản về văn hóa, pháp luật du lịch; có kiến thức chuyên sâu về lữ hành, lưu trú và các dịch vụ du lịch khác; có kỹ năng thực hành nghề chuyên nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, lữ hành và các dịch vụ bổ sung; có trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường và xã hội; thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế.

#### 1.1. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

**PO1:** Có kiến thức về lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

**PO2:** Cử nhân Du lịch có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số.

**PO3:** Có kiến thức chuyên môn sâu, có hệ thống và cập nhật về văn hóa, du lịch, từ đó vận dụng được vào thực tiễn nghề nghiệp.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

**PO4:** Cử nhân Du lịch thành thạo kỹ năng tác nghiệp các nghiệp vụ, kỹ năng lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh du lịch.

**PO5:** Có đầy đủ kỹ năng mềm để giải quyết các vấn đề phát sinh trong kinh

doanh du lịch.

**PO6:** Cử nhân Du lịch được trang bị các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.

### ***1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:***

**PO7:** Có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ để khởi sự kinh doanh theo tư duy đổi mới sáng tạo. Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có trách nhiệm với xã hội.

## **2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### ***2.1. Về kiến thức***

**PLO1:** Vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn.

**PLO2:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp.

**PLO3:** Trình bày được kiến thức nền tảng về lịch sử, địa lý, văn hoá, dân tộc, phong tục tập quán, đạo đức, pháp luật về du lịch vào thực tế công việc thuộc lĩnh vực nhà hàng - khách sạn, lữ hành, các dịch vụ bổ sung trong du lịch và trong việc giảng dạy về du lịch.

**PLO4:** Phân tích được những kiến thức về các hình thức kinh doanh trong du lịch, các loại hình du lịch, marketing, xúc tiến và bán sản phẩm du lịch để lập các kế hoạch, triển khai dự án du lịch, quản lý và vận hành các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch.

**PLO5:** Vận dụng được các kiến thức chuyên môn về kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng và các loại hình dịch vụ bổ sung để thiết kế, điều hành, phát triển các sản phẩm du lịch và khởi nghiệp kinh doanh du lịch; tổ chức được các sự kiện văn hóa - du lịch, âm thực truyền thống và quản trị được chất lượng dịch vụ trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

**PLO6:** Vận dụng được các kiến thức chuyên môn để lựa chọn và sử dụng được các quy tắc ứng xử trong giao tiếp, lễ tân ngoại giao, thuyết minh, thuyết trình hiệu quả trong hoạt động du lịch.

### ***2.2. Về kỹ năng***

**PLO7:** Đạt được trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; sử dụng được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành để giao tiếp và tương tác một cách hiệu quả với khách hàng trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

**PLO8:** Sử dụng được các phần mềm thông dụng; sử dụng thành thạo một số hệ thống thông tin quản lý và công cụ hỗ trợ phục vụ môi trường công việc; ứng xử và hợp tác phù hợp trong môi trường số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để vận dụng phù

hợp, linh hoạt, sáng tạo với chuyên môn được đào tạo.

**PLO9:** Thiết kế, tổ chức và điều hành tour du lịch; thực hiện được các nghiệp vụ hướng dẫn, thuyết minh, phục vụ trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn; tổ chức hoạt động truyền thông sự kiện.

**PLO10:** Tự tin giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy khoa học, kỹ năng quản lý, phản biện; có năng lực lập kế hoạch, điều phối để có thể giải quyết hiệu quả các vấn đề trong hoạt động du lịch.

### 2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

**PLO11:** Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng. Có năng lực tự học tập, nghiên cứu và học tập suốt đời nâng cao trình độ kỹ năng chuyên môn, phù hợp nhiệm vụ công việc.

**PLO12:** Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng.

## III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Khối kiến thức	Số tín chỉ
<b>7.1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>39</b>
7.1.1. Lý luận chính trị	13
7.1.2. Quản lý, Khoa học xã hội	11
- <i>Bắt buộc</i>	9
- <i>Tự chọn</i>	2
7.1.2. Khoa học tự nhiên – Công nghệ	5
7.1.3. Ngoại ngữ	10
7.1.4. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)	
7.1.5. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)	
<b>7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>89</b>
7.2.1. Kiến thức cơ sở	<b>22</b>
- <i>Bắt buộc</i>	13
- <i>Tự chọn</i>	9
7.2.2. Kiến thức ngành	<b>56</b>
- <i>Bắt buộc</i>	37
- <i>Tự chọn</i>	19
7.2.3. Thực tập tốt nghiệp	<b>5</b>
7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phân thay thế tốt nghiệp	<b>6</b>
<b>Tổng</b>	<b>128</b>

#### IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại giờ			Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý học phần
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>A</b>	<b>KHÔI KIẾN THỨC GDĐC</b>		<b>39</b>						
<b>I</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>13</b>						
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135	1	LL Mác - LN
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-LN	2	21	18		90	1	2 LL Mác - LN
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	3 LL Mác - LN
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	4 LSD-TTHCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	4 LSD-TTHCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	24		90		3 Luật
<b>II</b>	<b>Khoa học QL, KHXH &amp; nhân văn</b>		<b>11</b>						
7	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	24	0	90	1	VNH- DL
8	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	36	0	135	6	QTKD
9	124255	Phương pháp NCKH	2	15	0	30	90		3 VNH-DL
10	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	24		90		2 Tâm lý học
11	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
a	122005	Các vấn đề XH đương đại	2	18	24		90		2 XHH
b	124115	Kiến thức địa phương (tỉnh Thanh Hóa)	2	18	24		90		2 Lịch sử
<b>III</b>	<b>Khoa học Tự nhiên - Công nghệ</b>		<b>5</b>						
12	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		1 MMT&UD
13	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90		2 Sinh học
<b>IV</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>10</b>						
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1 NNKC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	14	2 NNKC
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	15	3 NNKC
<b>V</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>								
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1 LL&PP GDTC
	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1/5 HP)								
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2

e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	
<b>VI</b>	<b>Giáo dục quốc phòng (tiết)</b>		<b>165</b>							
<b>B</b>	<b>KHÔI KIẾN THỨC GDCN</b>		<b>89</b>							
<b>I</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>		<b>22</b>							
17	127099	Tổng quan du lịch	3	27	36	0	135		1	VNH-DL
18	124046	Lịch sử Việt Nam	2	18	24	0	90		3	Lịch sử
19	121076	Hán Nôm	2	18	0	24	90		1	Ngữ Văn
20	124096	Hệ thống di tích - danh thắng Việt Nam	3	27	36	0	135		2	VNH-DL
21	127060	Các dân tộc Việt Nam	3	27	36	0	135		4	VNH-DL
22	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	121045	Phong tục tập quán VN	3	27	36	0	135	7	6	VNH-DL
b	127065	Văn hóa Đông Nam Á	3	27	36	0	135		6	VNH-DL
23	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	127066	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở VN	3	27	36	0	135	7	5	VNH-DL
b	127067	Lịch sử văn minh thế giới	3	27	36	0	135		5	VNH-DL
24	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	127064	Văn hóa ẩm thực VN	3	27	30	6	135	7	6	VNH-DL
b	127068	Kỹ năng đàm phán	3	27	30	6	135		6	VNH-DL
<b>II</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>56</b>							
25	125180	Tuyến và điểm du lịch VN	3	27	36	0	135		4	VNH-DL
26	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	125026	TN và môi trường DLVN	3	27	36	0	135		2	Địa lý
b	125037	Địa lý du lịch Việt Nam	3	27	36	0	135		2	Địa lý
27	127049	Tiếng Anh du lịch 1	3	27	0	36	135		5	VNH-DL
28	127050	Tiếng Anh du lịch 2	3	27	0	36	135		7	VNH-DL
29	127055	Thực hành tuyến, điểm DL 1	3	0	0	90	135	25	4	VNH-DL
30	127057	Thực hành tuyến, điểm DL 2	3	0	0	90	135	25	7	VNH-DL
31	127030	Phát triển du lịch bền vững	2	18	18	6	90		6	VNH-DL
32	127043	Tổ chức sự kiện và DL MICE	3	15	0	60	135		6	VNH-DL
33	127039	Tổ chức HD du lịch	4	30	0	60	180		5	VNH-DL
34	127062	Nghiệp vụ KS cơ bản	4	30	0	60	180		3	VNH-DL
35	127042	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	3	15	0	60	135		5	VNH-DL
36	127051	Nghiệp vụ chế biến sản phẩm ăn, uống	3	15	0	60	135		7	VNH-DL
37	127031	Thiết kế và điều hành tour	3	15	0	60	135		6	VNH-DL
38	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	127033	Thuyết minh du lịch	3	15	0	60	135		5	VNH-DL
b	127058	Nghệ thuật giao tiếp trong DL	3	15	0	60	135		5	VNH-DL



39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	121053	Văn hóa du lịch	3	27	36	0	135		4	VNH-DL
b	127076	Văn hóa DN du lịch	3	27	36	0	135		4	VNH-DL
40	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		3							
a	127085	Pháp luật về du lịch	3	27	36	0	135		7	VNH-DL
b	127086	Quản lý nhà nước về du lịch	3	27	36	0	135		7	VNH-DL
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	125100	Marketing du lịch	2	15	0	30	90		3	VNH-DL
b	127012	Xúc tiến và bán sản phẩm DL	2	15	0	30	90		3	VNH-DL
42	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>		3							
a	125035	Du lịch sinh thái	3	27	16	20	135	17	7	VNH-DL
b	127069	Du lịch cộng đồng & homestay	3	27	16	20	135	17	7	VNH-DL
c	127074	Du lịch tôn giáo và tâm linh	3	27	16	20	135	17	7	VNH-DL
43	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>		2							
a	151001	Kinh tế du lịch	2	15	0	30	90		7	VNH-DL
b	127038	Kinh doanh dịch vụ bổ sung	2	15	0	30	90		7	VNH-DL
<b>III</b>	<b>Thực tập TN/Khóa luận TN/Học phần thay thế</b>		<b>11</b>							
44	127092	Thực tập tốt nghiệp	5	0	0	150	225	29,30	8	VNH-DL
Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế KLTN										
45-46	127093	Khóa luận tốt nghiệp	6			180	270		8	
Học phần thay thế KLTN										
45	127014	Kinh doanh lễ hành	3	27	18	18	135		8	VNH-DL
46	127059	Thiết kế và phát triển SP DL	3	27	18	18	135		8	VNH-DL
<b>Tổng số</b>			<b>128</b>							

## V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

### 5.1. Đội ngũ giảng viên

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	1	0	1
3	Tiến sỹ	1	4	5
4	Thạc sỹ	0	3	3

### 5.2. Phòng học

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

### 5.3. Phòng thực hành nghiệp vụ du lịch

Từ năm học 2019, nhà trường đầu tư hệ thống phòng thực hành nghiệp vụ du lịch gồm Phòng nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ bar, và Phòng thực hành nghiệp vụ buồng với đầy đủ các trang thiết bị phục vụ thực hành các nghiệp vụ, giao cho Khoa KHXH và bộ môn VNH-DL trực tiếp quản lý. Phòng thực hành gồm các loại thiết bị cụ thể sau:

*Thiết bị nghiệp vụ lễ tân:* Kẹp lưu hồ sơ, Giá để tờ rơi, tệp gấp, danh thiếp, Đồng hồ

*Thiết bị nghiệp vụ bar:* Muỗng khuấy, Ly định lượng inox – jigger, Dụng cụ khai rượu inox – wine opener, Ly mixing có vạch chia bằng nhựa, Bình lắc cocktail Shaker 350ml, Hộp đựng nguyên liệu trang trí 6 ngăn, Thảm lót cao su – rubber bar mat, Hộp đựng khăn ăn, Cốc pha chế 10oz, Bình Lắc Cocktail Nhựa 700ml, Dụng cụ vắt chanh inox, Đồ khai bia, Dụng cụ gấp đá, inox (tongs), Chày dầm pha chế – bar muddler, Muỗng khuấy, Phin Cafe Nhôm, Thớt, Dao, Máy xay sinh tố, Máy pha cà phê, khăn phục vụ, khăn vệ sinh, hộp đựng giấy, Menu đồ uống, Xô đá, xẻng xúc đá, Chân và xô ướp rượu, Chậu rửa, Giá treo ly, Ly bia, ly sâm panh, ly vang trắng, ly vang đỏ, ly cocktail, ly nước lọc, kệ đựng ly rượu, tách trà, tách cà phê, Đĩa kê âm, Đĩa kê tách trà và cà phê, Thìa, ấm đun siêu tốc; Bát đĩa, đĩa kê, thìa các loại, dao, đĩa, muỗng, lọ gia vị, khăn trải bàn, khăn ăn.

*Thiết bị phòng thực hành nghiệp vụ buồng gồm:* Tủ lạnh, Dép đi trong nhà, Giường ngủ (giường đơn), ga trải giường, vỏ chăn, chăn, tấm bảo vệ nệm, gối, vỏ gối, gối trang trí, dải trang trí giường, lọ hoa, thùng rác, khăn tắm, gương soi, thảm chân, bộ dụng cụ lau sàn, xe đẩy phục vụ buồng.

## VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

### A. KHỐI KIẾN THỨC GDĐC

#### I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

##### 1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

##### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

##### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

##### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

##### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
<b>Tổng</b>	<b>32</b>	<b>26</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

## 5. Hình thức dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (đánh giá khả năng tự nghiên cứu)	CLO1 CLO2, CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ</b>				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (đánh giá bài kiểm tra viết)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (đánh giá bài thi trắc nghiệm)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.

- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### \* Giáo trình chính

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### \* Tài liệu tham khảo

1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-*

*Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

## **2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY**

- Số tín chỉ: 02 ( 21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196060

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

#### 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ</b>				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	50%

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **\* Giáo trình chính**

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

### **\* Tài liệu tham khảo**

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

## **3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM**

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ

nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	30%



STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 ( <i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 ( <i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ</b>				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 ( <i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i> )	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

### 7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính

1) Bộ giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2005), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

## 4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ History of the Communist Party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### 1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc

kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

## 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước ( 1945-1975).	6	6				25

Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới ( 1975 đến nay)	7	6				30
<b>Tổng</b>	<b>21</b>	<b>18</b>				<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: (01)</b>			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt*

Nam, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

## **5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/Ho Chi Minh's ideology**

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: LSD-TTHCM
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

### **1. Mô tả học phần**

Nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam và sự vận động, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Làm rõ được cơ sở thực tiễn, lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh và các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; phân biệt được kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và Nhà nước; vận dụng được các nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào nghiên cứu quá trình hoạt động lý luận và thực tiễn của Người.

- CO2: Người học có thể thực hiện được tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, đạo đức, con người một cách tự giác thông qua những hành động, việc làm cụ thể trong học tập và trong cuộc sống.

- CO3: Có nguyên tắc đạo đức cá nhân và tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Tóm tắt được nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

- CLO2: Xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng, từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể

- CLO3: Phân tích được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng và Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người

- CLO4: Có khả năng đưa ra các đánh giá, nhận định của bản thân về một số vấn đề thực tiễn trên cơ sở nội dung kiến thức đã học.

- CLO5: Chứng minh được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay

- CLO6: Có kỹ năng phân tích, liên hệ với thực tiễn xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

- CLO7: Bác bỏ, phê phán những quan điểm sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO8: Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

#### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	

<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: (01)</b>			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.
- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc

1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

#### 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1) *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Tủ tập 01 đến tập 15.

2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

## 6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LAW

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm

việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;
- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.
- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>		<b>0</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận	Rubric thuyết trình	CLO1	

	nhóm		CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kì (01)</b>				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
<b>Thi cuối kì</b>				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1 Học liệu bắt buộc

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

#### 8.2 Học liệu tham khảo

1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

## II. KHOA HỌC QL, KHXH VÀ NHÂN VĂN

### 7. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 24TL)

- Mã học phần: 121005

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch

#### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn



hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.

- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.

- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Nhận biết được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.

- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.

- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
<b>Nội dung 2</b> Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 3</b> Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 4</b> Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 5</b> Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 6</b>	2	2	0	0	0	10

Văn hoá nhận thức						
<b>Nội dung 7</b> Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 8</b> Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
<b>Nội dung 9</b> Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 10</b> Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 11</b> Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 12</b> Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 13</b> Tổng kết	1	2	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO2	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục

3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

## 8. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/BUSINESS STARTUP AND INNOVATION

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36TL)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần

thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.

- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.

- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.

- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.

- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>		<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
-----	--------------------	------------------	------------------	----------

<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>					
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1 CLO2	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
<b>Đánh giá giữa kỳ (20%)</b>					
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5		20%
<b>Thi cuối kỳ (50%)</b>					
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ đk làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

## 8.2 Tài liệu tham khảo

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – Lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Kinh tế quốc dân.
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

## 9. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/ RESEARCH METHODOLOGY OF SCIENTIFIC

- Số tín chỉ: 02 (15LT; 0 TL; 30TH)
- Mã học phần: 124255
- Bộ môn phụ trách học phần: VNH-DL
- Các học phần tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; logic tiến trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, đặt tên đề tài, xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học xác định các nội dung của việc thực hiện một đề tài khoa học từ lựa chọn vấn đề mang tính khoa học, lựa chọn đề tài, xác định các nhiệm vụ và phương pháp của việc thực hiện một đề tài, phương pháp trình bày một báo cáo khoa học

- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng thực hiện các bước tiến hành thực hiện đề tài khoa học

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Phương pháp nghiên cứu khoa học, hình thành phương pháp nghiên cứu cũng như đạo đức khoa học

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học và nghiên cứu khoa học

- CLO2: Có kỹ năng lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu; tổ chức nhóm nghiên cứu; viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu,...

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của Phương pháp nghiên cứu khoa học, trung thực, khách quan trong việc thực hiện các nội dung nghiên cứu.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đại cương về nghiên cứu khoa học	3	0	0	0	15	

Chương 2. Trình tự nghiên cứu khoa học	3	0	0	0	15
Chương 3. Thu thập và xử lý thông tin	3	0	10	0	15
Chương 4. Trình bày luận điểm khoa học	3	0	10	0	15
Chương 5: Tổ chức thực hiện đề tài	3	0	10	0	15
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Tự luận	-Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc

1) Vũ Cao Đàm (2012) *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb

Giáo dục

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

1) Phạm Viết Vượng (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS*

2) Phạm Viết Vượng (2002) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

## **10. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL PSYCHOLOGY**

- Mã học phần: 181145

- Số tín chỉ: 2 ( LT 18; TL: 24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý học

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả tóm tắt học phần**

Nội dung học phần: Tâm lý học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về Tâm lý con người dưới góc độ khoa học duy vật biện chứng

- CO2: Vận dụng được nội dung kiến thức của học phần để: Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề liên quan đến tâm lý con người; Giải thích các hiện tượng tâm lý người trong đời sống; Qua quá trình tham gia tích cực, tự giác học tập dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người dạy, người học hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.

- CO3: Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức học phần trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức; tích cực tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nhằm hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sống và hoạt động nghề nghiệp.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Phân tích được bản chất của tâm lý người, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Phân tích, lý giải được khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động, giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.

- CLO2: Phân tích được khái niệm, các qui luật của hoạt động nhận thức; mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người;



Phân tích được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.

- CLO3: Vận dụng kiến thức đã học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người một cách khoa học; Sử dụng được các phương pháp khác nhau để nghiên cứu các hiện tượng tâm lý của con người trong cuộc sống và trong hoạt động nghề nghiệp.

- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện việc đánh giá các hiện tượng tâm lý phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	3	3				13,5
Chương 2: Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức	3	3				13,5
Chương 3: Hoạt động nhận thức	6	9				31,5
Chương 4: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách	6	9				31,5
Tổng	18	24				90

#### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp dạy học sau: Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, cemina nhóm;

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3	10%	

3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3	10%	
<b>II Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>					
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3	20%	
<b>III Thi cuối kì (01)</b>					
	Viết.	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1,2,3	50%	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \* *Giáo trình bắt buộc* :

1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Luỹ, Đinh Văn Vang (2018), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

#### \* *Tài liệu tham khảo* :

1. Nguyễn Xuân Thúc (2017), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

2. Phan Trọng Ngọ (2005), *Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

### 11. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

#### a. CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI/ (Contemporary Social Problems)

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 24TL, 0TH)
- Mã học phần: 122005
- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học (định hướng Công tác xã hội), khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.
- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin

#### 1. Mô tả học phần

Học phần các vấn đề xã hội đương đại cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về xã hội, các vấn đề xã hội, một số lý thuyết và vận dụng các lý thuyết này vào việc giải thích nguyên nhân, nguồn gốc, điều kiện nảy sinh và các giải pháp cho các vấn đề xã hội. Cụ thể, học phần đi sâu phân tích các vấn đề xã hội chính đang tồn tại trong xã hội Việt Nam hiện nay như: Nghèo đói, Ô nhiễm môi trường, Bất bình đẳng xã hội, một số vấn đề xã hội khác... Từ đó người học có cái nhìn tổng thể, toàn

diện về các vấn đề xã hội và nhận thức rõ hơn về vai trò, trách nhiệm của bản thân với tư cách là thành viên của xã hội góp phần xây dựng xã hội văn minh, phồn thịnh.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích nguồn gốc, điều kiện nảy sinh, sự biến đổi và phát triển có tính quy luật của các hiện tượng, vấn đề xã hội và hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội; từ đó đề xuất các giải pháp cho các vấn đề xã hội đương đại.

- CO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích, đánh giá, hình thành tư duy phản biện về các vấn đề xã hội trong nội dung môn học dưới góc độ tiếp cận xã hội học & công tác xã hội.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được các khái niệm về vấn đề xã hội, hiểu và vận dụng lý thuyết trong việc giải quyết các vấn đề xã hội

- CLO2: Sinh viên vận dụng được các lý thuyết: thuyết cấu trúc chức năng, thuyết hành vi, thuyết xung đột, thuyết trao đổi xã hội, thuyết hành vi vào giải thích nguyên nhân nảy sinh các vấn đề xã hội.

- CLO3: Sinh viên hình thành tư duy phản biện về các vấn đề chính trong xã hội Việt Nam hiện đại: Vấn đề nghèo đói, Ô nhiễm môi trường, Giới và bình đẳng giới, một số vấn đề xã hội khác...

- CLO4: Sinh viên xây dựng được thể giới quan và hệ thống giải pháp cho các vấn đề ở cấp độ vi mô & vĩ mô.

- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu các vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học.

- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội từ hướng tiếp cận xã hội học & công tác xã hội.

## 4. Nội dung học phần

Nội Dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần							Tổng
	Lý thuyết	Xê-mina	Làm việc nhóm	Khác (điền giảng, thực tế...)	Tự học, tự NC	Tư vấn của GV	KT-ĐG	Tổng
<b>CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI</b> <b><u>Nội dung 1:</u></b> <b>Khái niệm, nguồn gốc, đặc trưng và ý nghĩa của việc nghiên cứu các vấn đề xã hội</b>	2	2	0	0	10		0	14

<b><u>Nội dung 2:</u></b> <b>Một số lý thuyết giải thích vấn đề xã hội</b>	2	2	0	0	10		0	14
<b>CHƯƠNG 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRÊN THẾ GIỚI VÀ TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY</b> <b><u>Nội dung 3:</u></b> <b>Nội dung 3: Vấn đề Nghèo đói</b>	2	2		0	10		1 bài	14
<b><u>Nội dung 4</u></b> <b>Vấn đề Ô nhiễm môi trường</b>	2	2		0	10		0	14
<b><u>Nội dung 5</u></b> <b>Bất bình đẳng xã hội</b>	4	4	2	0	20		1 bài	28
<b><u>Nội dung 6</u></b> <b>Một số vấn đề xã hội khác</b>	4	4	2	0	20		0	28
<b>CHƯƠNG 3:</b> <b><u>Nội dung 7:</u></b> <b>THỰC HÀNH THIẾT KẾ POSTER TRUYỀN THÔNG VỀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI</b>	2	2	2	0	10		1 bài	20
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>90</b>		<b>3</b>	<b>132</b>

### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn học

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề xã hội từ cách tiếp cận xã hội học - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề xã hội - Mục đích: giúp sinh viên xác định và giải thích được nguồn gốc các vấn đề xã hội trong	Rubric 1	CLO 1, CLO2	30%

	cuộc sống. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập			
2	<b>Phân tích một vấn đề xã hội (tự chọn) dựa trên hệ thống lý thuyết lý giải các vấn đề xã hội</b> - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung 2 - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	<b>Phân tích vấn đề Bất bình đẳng xã hội tại Việt Nam</b> - Bài tập cá nhân - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung Bất bình đẳng xã hội - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Phân tích một vấn đề xã hội tồn tại trong giới trẻ hiện nay - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO5	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : Tự luận + <i>Phần vận dụng</i> : đánh giá, phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn xã hội học & công tác xã hội - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp theo quy định
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc và chuẩn bị trước tài liệu, tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm đủ bài kiểm tra định kỳ; giữa kì

- Tham gia thi kết thúc học phần

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình bắt buộc**

1. Phạm Di (2018), *Vấn đề xã hội Lý thuyết và vận dụng*, Nhà Xuất Bản Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Thị Oanh và cộng sự (1997), *An sinh xã hội và các vấn đề xã hội*, Khoa phụ nữ học- Đại học mở bán công thành phố HCM.

2. Cát Văn Thành (1998), *Dự báo thế kỉ XXI*, Nxb Thống kê.

## **b. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG (TỈNH THANH HÓA)/THANH HOA' KNOWLEDGE**

- Số tín chỉ: 2 (18 LT; 24 TL)

- Mã học phần: 124115

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên, lịch sử của Thanh Hóa, các yếu tố về dân cư, tộc người, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học xác định các đặc điểm địa Lịch sử tự nhiên, dân cư của Thanh Hóa, so sánh với các tỉnh khác, thống kê lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính, đặc điểm nền văn hóa vật thể và phi vật thể của Thanh Hóa; thống kê các nghề và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá; mô tả các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp hiện nay của Thanh Hóa.

- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên-xã hội, tiềm năng phát triển của Thanh Hóa

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử Thanh Hóa trong sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các điều kiện tự nhiên xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần, đóng góp của Thanh Hóa trong lịch sử

- CLO2: Lí giải được các yếu tố chi phối đến các điều kiện phát triển, các giá trị văn hóa Thanh Hóa; phát huy các thuận lợi trong phát triển hiện nay

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị của tỉnh nhà trong thời kỳ phát triển và hội nhập.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Một số vấn đề chung. Khái quát về điều kiện tự nhiên – Thanh Hóa qua các thời kỳ</b> 1.1. Khái niệm 1.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên 1.3. Phân chia hành chính và tên gọi	3	3				15
<b>Chương 2: Đặc điểm nền văn hóa Thanh Hóa</b> 2.1. Điều kiện ra đời nền văn hóa Thanh Hóa 2.2. Đặc điểm văn hóa Thanh Hóa	3	3				15
<b>Chương 3. Sự phát triển kinh tế của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử</b> 3.1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá. 3.2. Các khu công nghiệp kinh tế trọng điểm	3	3				15
<b>Chương 4. Những đóng góp to lớn của Thanh Hoá trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc</b> 4.1. Thời kì Bắc thuộc 4.2. Thời phong kiến tự chủ 4.3. Thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ	3	4	1			15
<b>Chương 5. Các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá</b> 5.1. Các di tích lịch sử văn hóa	3	4	1			15

5.2. Các danh thắng tiêu biểu						
<b>Chương 6: Các nhân vật lịch sử và Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá</b>						
6.1. Nhân vật lịch sử tiêu biểu	3	4	1			15
6.2. Các danh nhân văn hóa						
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>21</b>	<b>3</b>			<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.



## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hoá tập 1: Thanh Hoá*, Nxb VHNT.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Hà Văn Tấn (1990, 1994), *Lịch sử Thanh Hóa Tập 1, tập 2*, Nxb KHXH, HN
2. Lê Văn Trường (2002), *Địa lý Thanh Hoá*, Nxb Thanh Hóa

## III. KHOA HỌC TỰ NHIÊN – CÔNG NGHỆ

### 12. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)

- Mã học phần: 172555

- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng

- Điều kiện tiên quyết: không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

#### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;

- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;

- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;

- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;

- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<b>Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2)</b> 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các	3	0	0	2		12

thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số						
<b>Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3)</b> 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
<b>Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0)</b> 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư 3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội	5	0	0	0		15
<b>Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0)</b> 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
<b>Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35)</b> 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
<b>Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10)</b> 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

## 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (04)</b>			
1	<p><b>Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện)</li> <li>- Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học</li> <li>- Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	<p><b>Kỹ thuật trình chiếu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo sản phẩm</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.</li> </ul>	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	<p><b>Thực hành bảng tính</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên máy tính</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	<p><b>Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên máy tính</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	<p>Soạn thảo văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành trên máy tính</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức:</li> </ul>	Rubric 6	CLO1, CLO2,	50%

<ul style="list-style-type: none"> <li>+ <i>Phần lý thuyết</i>: thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút</li> <li>+ <i>Phần thực hành</i>: thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút</li> <li>- Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần.</li> <li>- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập</li> </ul>		CLO3, CLO4, CLO5	
---	--	------------------------	--

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Minh Quý (2013), *Microsoft Office 2007*, Nxb Hồng Đức.
2. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nxb Thông tin và truyền thông.

## 13. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 24TL)
- Mã số học phần: 118001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

### 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối

quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

### 4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường</b> 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1. Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp	2	3				15

<p>các nguồn tài nguyên thiên nhiên</p> <p>1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật</p> <p>1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin</p>					
<p><b>Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường</b></p> <p>2.1. Nhân tố sinh thái.</p> <p>2.1.1. Khái niệm chung.</p> <p>2.1.2. Các định luật có liên quan.</p> <p>2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái.</p> <p>2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật.</p> <p>2.3. Quần thể và quần xã sinh vật.</p> <p>2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể.</p> <p>2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã.</p> <p>2.4. Hệ sinh thái.</p> <p>2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái.</p> <p>2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái.</p> <p>2.5. Hệ sinh thái và con người.</p> <p>2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái.</p> <p>2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người.</p> <p>2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.</p>	3	4			15
<p><b>Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên</b></p> <p>3.1. Dân số</p> <p>3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số</p> <p>3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số</li> <li>- Tình hình gia tăng dân số giữa các</li> </ul>	4	6			15

<p>nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN 3.3. Một số loại TNTN</p>					
<p><b>Chương 4. Ô nhiễm môi trường</b> 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác</p>	3	4			15
<b>Chương 5. Những vấn đề môi trường</b>	3	4			15

<b>toàn cầu và phát triển bền vững</b> 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam						
<b>Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động</b> 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3				15
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>24</b>				<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc	Rubric viết	CLO1,2,4,5	



	nghiệm			
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5, 6	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Thang điểm</b>				10

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GD.

2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14)*.

## **IV. NGOẠI NGỮ**

### **14. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)**

- Số tín chỉ: 4 (36LT, 24TL, 24TH)

- Mã học phần: 133031

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ

- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1:</b></p> <p>1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1).</p> <p>1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs</p> <p>1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B.</p> <p>1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17)</p> <p>1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A</p> <p>1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24)</p> <p>1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C</p>	10	3	3	4	2	52
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p>2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C</p> <p>2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34)</p> <p>2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C</p> <p>2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A</p> <p>2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C</p> <p>2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)</p>	11	3	3	5	1	52

<p><b>Nội dung 3:</b></p> <p>3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C</p> <p>3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54)</p> <p>3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple &amp; Past Continuous - Lesson 8C</p> <p>3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57)</p> <p>3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B</p> <p>3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher.</p> <p>3.7. Comparison of Adjective and Adverb.</p>	11	3	3	5	1	52
<p><b>Nội dung 4:</b></p> <p>4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C</p> <p>4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Wring, p.p.75-77)</p> <p>4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4</p> <p>4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B</p> <p>4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)</p>	4	3	3	4	2	24

**5. Phương pháp dạy – học:** Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

**7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

**8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**8.1. Giáo trình bắt buộc**

1. Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2012), *English File–Elementary 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. Nxb Thời đại.
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press.

## **15. TIẾNG ANH 2 (ENGLISH 2)**

- Số tín chỉ: 3 (27LT,18TL,18TH)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1:</b></p> <p>1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous</p> <p>1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive</p> <p>1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1</p> <p>1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses</p>	7	2	2	3	1	33
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p>2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B</p> <p>2.2. Unit 1C; 2 A, B</p> <p>2.3. Kiểm tra giữa kỳ</p>	7	2	2	4	1	33

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Unit 2C</li> <li>- Revise &amp; Check 1&amp;2</li> <li>- Unit 3 A</li> </ul> <p>2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do the exercises on the textbook</li> <li>- Do exercises on Unit 2C, 3A</li> </ul>						
<p><b>Nội dung 3:</b></p> <p>3.1. Unit 3B, C</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Exercises in the textbook Unit3B</li> <li>- Exercises in the textbook Unit 3C</li> <li>- Exercises in workbook Unit 3B, 3C</li> </ul> <p>3.2. Unit 4A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Exercises in Unit 4B, C</li> <li>- Talk about your shopping habit</li> </ul> <p>3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Unit 4C;</li> <li>- Revise and check 3&amp;4,</li> </ul> <p>3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&amp;4</p>	7	3	2	4	1	33
<p><b>Nội dung 4:</b></p> <p>4.1. Unit 5A, B</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Exercises in Unit 5A, B, C</li> </ul> <p>4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A</p> <p>4.3. Consult Unit 5C, 6 A,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Exercises in workbook Unit 5C, 6 A.</li> </ul> <p>4.4. Unit 6B, C</p> <p>4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Write a composition on the given topic</li> </ul> <p>Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3</p> <p>4.6. Revise and check 5&amp;6;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Exercises in workbook Revise and check 5&amp;6</li> </ul>	6	2	3	2	2	36



**5. Phương pháp dạy – học:** Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nxb Thanh Hoá.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Raymond Murphy (2012), *Grammar In Use*, Nxb Thời đại.
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press.
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press.

## **16. TIẾNG ANH 3 (ENGLISH 3)**

- Số tín chỉ: 3 (27LT,18TL,18TH)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p><b>Nội dung 1:</b></p> <p>1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) &amp; Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to”</p> <p>1.2. Bài tập luyện 2.1 (2):</p> <p>1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) &amp; Bài 1.1 (2)</p> <p>1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people.</p> <p>1.5. 7C (1) &amp; Bài 8.1. (2)</p> <p>1.6. Progress test 1: Multiple choice test</p> <p>1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.</p>	7	2	2	3	1	44
<p><b>Nội dung 2:</b></p> <p>2.1. Unit 8B (1) &amp; 9.2 (2) Topics: Environment</p> <p>2.2. Share their idea about the things can do to help the environment</p> <p>2.3. Bài 9A &amp; Bài 10.1 Topic: What would you do if...</p> <p>2.4. Give a report to the class about giving advice</p> <p>2.5. Mid-term Test</p> <p>2.6. Unit 9C (1) &amp; 2 7.2 (2) Topics: Leisure</p> <p>2.5. Apply grammar theory to do different exercises.</p>	7	2	2	4	1	33
<p><b>Nội dung 3:</b></p> <p>3.1. Bài 10B (1) &amp; Bài 3.1 Topic: famous people</p> <p>3.2. Bài 10C (1) &amp; Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival</p> <p>3.3. Progress test 2 – Writing test</p>	7	3	2	4	1	33

3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2) Topic: Bad losers						
<b>Nội dung 4:</b> 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25

**5. Phương pháp dạy – học:** Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

**6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá**

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên: 05</b>			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ: 01</b>			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), *English File-Pre-intermediate 3<sup>rd</sup> edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

## **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press.
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press.

## **V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

### **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1/ PHYSICAL EDYICATION 1**

- Số tín chỉ: 02 (2LT, 0TL, 28TH)
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện

- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu

- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao

năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1: (LT)</b> -Giáo dục thể chất trong các trường đại học -Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
<b>Nội dung 2: II.(TH)</b> Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vặn mình				2		6
<b>Nội dung 3: (TH)</b> Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân				2		6
<b>Nội dung 4: (TH)</b> Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác.				2		6

-Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy						
<b>Nội dung 5: (TH)</b> Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
<b>Nội dung 6: (TH)</b> Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).				2		6
<b>Nội dung 7: (TH)</b> - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu ( mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)				2		6
<b>Nội dung 8: (TH)</b> - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu ( mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).				2		6
<b>Nội dung 9: (TH)</b> - Học kỹ thuật đỡ cầu				2		6

bằng đùi và chuyên cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.						
<b>Nội dung 10: (TH)</b> - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyên cầu bằng mu bàn chân.				2		6
<b>Nội dung 11: (TH)</b> - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.				2		6
<b>Nội dung 12: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
<b>Nội dung 13: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện				2		6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
<b>Tổng</b>	<b>2</b>			<b>28</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất;



Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác ( Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp giảng dạy*

giáo dục thể chất trong trường học, Nxb TĐTT, Hà Nội

2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), *Thể dục*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

3). Đặng Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Đá cầu*, Nxb ĐHSPT.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

4). ỦY BAN TĐTT (2003), *Luật Đá cầu*, Nxb TĐTT.

## **GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (CHỌN 1/5 HỌC PHẦN)**

### **Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Bóng chuyên)**

- Số tín chỉ: 02 (OLT, 0TL, 30TH)

- Mã học phần: 191031

- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh

- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

#### **1. Mô tả học phần**

- *Nội dung học phần*: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các kỹ thuật bóng chuyên; Luật thi đấu môn bóng chuyên. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyên (Tu thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyển bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyên: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyên.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyên, Kỹ thuật chuyển bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lầy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyển bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyên.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyên: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyên.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyên: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyên, Kỹ thuật chuyển bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp

sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1.</b> Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển				2		6
<b>Nội dung 2.</b> Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..				2		6
<b>Nội dung 3.</b> - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
<b>Nội dung 4.</b> Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
<b>Nội dung 5.</b> - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
<b>Nội dung 6.</b> Ôn tập kỹ thuật phát				2		6

bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).						
<b>Nội dung 7.</b> - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
<b>Nội dung 8.</b> Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6
<b>Nội dung 9.</b> - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.				2		6
<b>Nội dung 10.</b> - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.				2		6
<b>Nội dung 11.</b> - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.				2		6
<b>Nội dung 12.</b> Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).				2		6

Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).						
<b>Nội dung 13.</b> Luyện tập kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
<b>Nội dung 14. Nội dung 14.</b> Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
<b>Nội dung 15</b> Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).				2		6
<b>Tổng</b>				<b>30</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03 bài)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và	CLO.4,5,6	

		thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)		
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	Thực hành	- Chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4,5,6	50%

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### **8.1. Giáo trình chính**

1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóng chuyên*, Nxb ĐHSP.

#### **8.2. Tài liệu tham khảo**

2) Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyên - Bóng chuyên bãi biển*, Nxb TDTT.

3) Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyên*, Nxb TDTT, Hà Nội.

## **Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn thể dục aerobic)**

- Số tín chỉ: 02 (0LT, 0TL, 30TH)
- Mã học phần: 191032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic
- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.
- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1:</b> - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic -Tổ chức thi đấu Aerobic; -Bảy bước cơ bản				2		6
<b>Nội dung 2</b> Các tư thế cơ bản				2		6
<b>Nội dung 3:</b> - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)				2		6
<b>Nội dung 4:</b> - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)				2		6
<b>Nội dung 5:</b> -Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) -Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)				2		6
<b>Nội dung 6:</b> - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)				2		6
<b>Nội dung 7:</b> -Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) -Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)				2		6
<b>Nội dung 8:</b>				2		6



-Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V						
<b>Nội dung 9:</b> -Liên kết 5 tổ hợp từ I – V -Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)				2		6
<b>Nội dung 10:</b> -Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) -Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)				2		6
<b>Nội dung 11:</b> -Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) -Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII				2		6
<b>Nội dung 12:</b> Hoàn thiện bài liên kết				2		6
<b>Nội dung 13:</b> Hoàn thiện bài liên kết				2		6
<b>Nội dung 14:</b> Hoàn thiện bài liên kết				2		6
<b>Nội dung 15:</b> - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học				2		6
<b>Tổng</b>				<b>30</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03 bài)</b>			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1) Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN.

### 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

2) Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDTT HN.

3) Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* Nxb TDTT .

## **Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Bóng đá)**

- Số tín chỉ: 02 (OLT, OTL, 30TH)
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

### **1. Mô tả học phần**

- *Nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyển bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyển bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyên; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyển bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyển bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1: (LT)</b> Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá				2		6
<b>Nội dung 2: (TH)</b> Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng.				2		6
<b>Nội dung 3: (TH)</b> Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tâng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.				2		6
<b>Nội dung 4: (TH)</b> Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>				2		6
<b>Nội dung 5: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.				2		6
<b>Nội dung 6: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân				2		6
<b>Nội dung 7: (TH)</b> Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>				2		6
<b>Nội dung 8: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu				2		6

chính diện.						
<b>Nội dung 9: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên				2		6
<b>Nội dung 10: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.				2		6
<b>Nội dung 11: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>				2		6
<b>Nội dung 12: (TH)</b> Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn				2		6
<b>Nội dung 13: (TH)</b> Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>				2		6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.				2		6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.				2		6
<b>Tổng</b>				<b>30</b>		<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03 bài)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

1) PGS.TS Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình Bóng Đá*, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội.

## **8.2. Tài liệu tham khảo**

- 1) Ủy ban TDTT (2011), *Luật thi đấu Bóng đá 5 người “futsal”*, Nxb TDTT.
- 2) TS. Phạm Quang (2007), *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.

### **Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Bóng rổ)**

- Số tín chỉ: 02 (0LT, 0TL, 30TH)
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.

- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.

- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.

- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thực chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.

- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao

năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<p>Nội dung 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị trí, tác dụng tập luyện</li> <li>- Lịch sử phát triển môn bóng rổ.</li> <li>- Luật thi đấu bóng rổ:</li> <li>- Giới thiệu kỹ thuật môn học</li> </ul>				2		6
<p><b>Nội dung 2: (TH)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật dẫn bóng</li> <li>- Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng</li> <li>- Kỹ thuật dẫn bóng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dẫn bóng tại chỗ</li> <li>+ Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên</li> <li>+ Dẫn bóng nhanh</li> </ul> </li> </ul>				2		6
<p><b>Nội dung 3: (TH)</b></p> <p>Ôn tập :- Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật dẫn bóng:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dẫn bóng tại chỗ</li> <li>+ Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên</li> <li>+ Dẫn bóng nhanh</li> </ul> </li> </ul> <p>Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.</p>				2		6



<p><b>Nội dung 4: (TH)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh</li> <li>- Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao</li> <li>- Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực</li> </ul>				2	6
<p><b>Nội dung 5: (TH)</b></p> <p>Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao</li> <li>+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)</li> </ul>				2	6
<p><b>Nội dung 6: (TH)</b></p> <p>Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ thuật dẫn bóng nhanh</li> </ul> <p>Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực</li> <li>+ Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực</li> <li>+ Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.</li> </ul>				2	6
<p><b>Nội dung 7: (TH)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu chiến thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tấn công nhanh</li> <li>+ Phòng thủ khu vực.</li> </ul> </li> </ul> <p>Kiểm tra giữa kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh</li> </ul> <p>Nội dung kiểm tra:</p> <p>Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian</p> <p>Cách thực hiện kỹ thuật :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m</li> <li>- Thực hiện dẫn bóng đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ</li> </ul>				2	6

<p>vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích</p> <p>Dẫn bóng phạm luật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng</li> <li>- Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng.</li> <li>- Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng.</li> <li>- Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng</li> <li>- Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng</li> <li>- Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng</li> </ul>						
<p><b>Nội dung 8: (TH)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</li> <li>- Ôn tập kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao</li> <li>+ Kỹ thuật dẫn bóng nhanh</li> </ul> </li> <li>- Tổ chức thi đấu</li> </ul>				2		6
<p><b>Nội dung 9: (TH)</b></p> <p>Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thi đấu</li> </ul>				2		6
<p><b>Nội dung 10: (TH)</b></p> <p>Chiến thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tấn công nhanh</li> <li>- Tổ chức thi đấu</li> </ul>				2		6
<p><b>Nội dung 11: (TH)</b></p> <p>Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3</p> <p>Chiến thuật phòng thủ kìm người 1/2 sân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thi đấu</li> </ul>				2		6
<p><b>Nội dung 12: (TH)</b></p> <p>Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.</p>				2		6

<b>Nội dung 13: (TH)</b> Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.				2		6
<b>Nội dung 14: (TH)</b> - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao.				2		6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.				2		6
<b>Tổng</b>				<b>30</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03 bài)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng ( Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao (Rubric 1)	CLO.5.6.	

<b>II Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
<b>III Thi cuối kì</b>				
	Thực hành	-Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. -Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bảng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), *Giáo trình Bóng rổ*, Nxb ĐHSP.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. TDTT. Bộ văn hoá TTDL (2018), *Luật Thi Đấu bóng rổ*, TTDL.
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), *Giáo trình bóng rổ*, Nxb ĐH Thái Nguyên.

## Giáo dục thể chất 2 (Tự chọn môn Vovinam)

- Số tín chỉ: 02 (OLT, OTL, 30TH)
- Mã học phần: 191035
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

## 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo

- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.

- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.

- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1:</b> - Trung bình tân - Đinh tân - Chảo mã tân - Hạc tân (Độc cước tân) - Hồi tân				2		6
<b>Nội dung 2:</b> - Đám thẳng - Đám ngang (Đám móc) - Đám mức				2		6
<b>Nội dung 3:</b> -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân				2		6
<b>Nội dung 4:</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 1 – 10)				2		6
<b>Nội dung 5: (Ôn tập)</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 1 – 10)				2		6
<b>Nội dung 6:</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 10 – 20)				2		6
<b>Nội dung 7: (Ôn tập)</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 10 – 20)				2		6
<b>Nội dung 8:</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 21 – 30)				2		6
<b>Nội dung 9: (Ôn tập)</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 21 – 30)				2		6
<b>Nội dung 10:</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 31 – 40)				2		6
<b>Nội dung 11: (Ôn tập)</b> - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)				2		6
<b>Nội dung 12:</b> - Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 31 – 40)				2		6
<b>Nội dung 13: (TH)</b> Bài Long hổ quyền ( Từ động tác 41 –45)				2		6

<b>Nội dung 14: (TH)</b> Hoàn thiện bài long hồ quyền ( Từ động tác 1 – 45)				2		6
<b>Nội dung 15: (TH)</b> - Ôn tập và KT bài Long hồ quyền				2		6
<b>Tổng</b>				<b>30</b>		<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (03 bài)</b>			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Thực hành	Bài long hồ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, Nxb TĐTT.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

2). Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*.

3). Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, Nxb TĐTT, HN.

## **VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG**

### **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết**

#### **I. ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/NATIONAL DEFENSE AND SECURITY POLICY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM**

- Số tín chỉ: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.



## 2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

## 4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
<i>Bài 1:</i> Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
<i>Bài 2:</i> Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 3:</i> Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
<i>Bài 4:</i> Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15

<i>Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</i>	4					15
<i>Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại</i>	4					15
<i>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam</i>	4	2				15
<i>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới</i>	4					15
<i>Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng</i>	4	2				15
<i>Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</i>	2	2				10
<i>Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội</i>						10

### 5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn).	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
	* Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1 Giáo trình chính

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2017, *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

## II. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH/DEFENSE AND SECURITY

- Số tín chỉ: 2 (22, 8, 0)

- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị

- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

## 4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Bài 1:</b> Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
<b>Bài 2:</b> Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
<b>Bài 3:</b> Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Bài 4:</b> Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
<b>Bài 5:</b> Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
<b>Bài 6:</b> An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
<b>Bài 7:</b> An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

### 5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

- Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.
- Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, (2012), *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và đào tạo, (2017), Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.*
- Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, (2014), *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

## III. HỌC PHẦN QUÂN SỰ CHUNG

- Số ĐVHT: 02 ( Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

### 2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### 4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	<b>Cộng</b>	30	14	16

## 5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
<b>II</b>	<b>Thi kết thúc học phần</b>			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đức Đăng, (2012). *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. Nxb Giáo dục Việt Nam.

### 8.2. Học liệu tham khảo

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, (2005), *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng, (2015), *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. Nxb Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng (2015), *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. Nxb Quân đội nhân dân.



#### **IV. HỌC PHẦN KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT**

- Số ĐVHT: 04 ( Lý thuyết: 04, Thực hành: 56)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

##### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

##### **2. Mục tiêu của học phần.**

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

##### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

#### 4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	<b>Cộng</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>56</b>

#### 5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

#### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)</b>			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
<b>II</b>	<b>Thi kết thúc học phần</b>			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Tài liệu chính**

1) Nguyễn Đức Đăng (2012), *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1) Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, (2012), *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, Nxb Quân đội nhân dân Việt Nam.

## **B. KHỐI KIẾN THỨC GDCN**

### **I. KIẾN THỨC CƠ SỞ**

#### **17. TỔNG QUAN DU LỊCH/ INTRODUCTION TO TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 0TH)
- Mã học phần: 127099
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu kiến thức tổng quan về ngành dịch vụ du lịch. Người học sẽ cùng tìm hiểu các khái niệm cơ bản về du lịch; quá trình hình thành và phát triển du lịch; động cơ du lịch và các điều kiện phát triển du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch; tính thời vụ trong du lịch; các bộ phận cấu thành công nghiệp du lịch; lao động trong du lịch và vấn đề đào tạo nguồn nhân lực du lịch ở Việt Nam; tác động của hoạt động du lịch đến kinh tế, xã hội và môi trường; các vấn đề về tổ chức và hoạch định chính sách trong du lịch. Bên cạnh đó, kinh nghiệm phát triển du lịch từ các quốc gia sẽ được chia sẻ. Cuối học phần có 9 tiết học/01 ngày đi thực tế một số tuyến, điểm du lịch tại Thanh Hóa và những địa phương lân cận. Qua học tập thực tế sinh viên có được sự trải nghiệm những vấn đề lý thuyết vận dụng vào thực tế phát triển du lịch của địa phương.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học hiểu, phân tích, đánh giá được những quan điểm, lí thuyết, các vấn đề cơ bản của khoa học du lịch.
- CO2: Giúp người học hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học.
- CO3: Giúp người học biết cách làm việc nhóm cũng như làm việc độc lập; yêu nghề; tích cực tìm tòi, học hỏi và có ý thức bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

*Học xong môn học này, sinh viên làm được (đạt được):*

- CLO1: Trình bày được các khái niệm liên quan đến lĩnh vực du lịch. Giải thích được các bước thăng trầm của du lịch qua các thời kỳ. Giải thích được các nhu cầu, động cơ và điều kiện phát triển du lịch

- CLO2: Nhận diện, phân tích được các yếu tố tạo nên tính thời vụ trong du lịch. Nhận diện và hiểu được vai trò của các thành phần tham gia vào hoạt động du lịch. Phân tích được các tác động của du lịch đến môi trường tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội

- CLO3: Phân biệt được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch. Nhận diện được xu thế phát triển du lịch trong tương lai.

- CLO4: Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, phản biện. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, tư duy, lập luận logic để giải quyết các vấn đề về du lịch. Vận dụng lý thuyết tổng quan về du lịch để đưa ra các giải pháp phát triển du lịch cho từng địa phương

- CLO5: Hình thành quan điểm đúng đắn về ngành, nghề du lịch, tin tưởng ở tương lai ngành học mà mình đã chọn. Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Xây dựng kế hoạch phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của nghề. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1. Những vấn đề chung</b> 1.1. Các khái niệm 1.2. Quá trình hình thành và phát triển du lịch 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch 1.4. Tính thời vụ trong du lịch	6	5	0			20
<b>Nội dung 2. Các hợp phần của du lịch</b> 2.1. Khách du lịch 2.2. Các nhà cung ứng du lịch 2.3. Cộng đồng địa phương 2.4. Các cơ quan tổ chức du lịch	6	5	0			25
<b>Nội dung 3. Tác động của du lịch</b> 3.1. Tác động của du lịch đến văn hóa 3.2. Tác động của du lịch đến xã hội 3.3. Tác động của du lịch đến kinh tế 3.4. Tác động của du lịch đến môi	5	5	0			25

trường tự nhiên						
3.5. Tác động du lịch đến đào tạo và nghiên cứu						
3.6. Phát triển du lịch bền vững						
<b>NỘI DUNG 4. Loại hình và sản phẩm du lịch</b>						
4.1. Loại hình du lịch	5	6	0			25
4.2. Sản phẩm du lịch						
<b>NỘI DUNG 5. Tương lai và triển vọng của du lịch</b>						
5.1. Hiện tượng du lịch trong tương lai	5	6	0			25
5.2. Tương lai và triển vọng ngành kinh tế du lịch						
5.3. Đào tạo và nghiên cứu du lịch trong tương lai						
Nội dung 6. Thực tế tại một số điểm đến du lịch tại địa phương	0	0	0	0	9	0
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu các tình huống thực tế thực tế môn học để phân tích về sự phân bố về tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, các tác động của hoạt động du lịch ở điểm đến du lịch. Nhận dạng, phân tích được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch; Đề xuất được giải pháp phát triển sản phẩm du lịch và khắc phục tính thời vụ trong du lịch. Hình thành lòng yêu nghề và ý thức hoạt động du lịch có trách nhiệm, bền vững.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể

hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO 1,2,3	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO 2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO 4,5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Viết	Rubric đánh giá bài thi viết/ Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Trần Đức Thanh (2003). *Nhập môn khoa học Du lịch*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Võ Văn Thành (2015), *Tổng quan du lịch*, Nxb Văn hoá – văn nghệ
2. Trần Thị Minh Hoà. (2015) *Du lịch Việt Nam thời kỳ đổi mới*, Nxb Đại học Quốc gia HN

## 18. LỊCH SỬ VIỆT NAM/ VIETNAM HISTORY

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 24TL)
- Mã học phần: 124046
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên không chuyên ngành những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển của Lịch sử Việt Nam. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội Việt Nam từ thời nguyên thủy cho đến quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Qua những hoạt động học tập trong học phần, sinh viên sẽ: Nắm được kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.
- CO2: Phát triển khả năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử.
- CO3: Phát triển tư duy phê phán, năng lực phân tích, tổng hợp một vấn đề lịch sử.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học thông hiểu các thuật ngữ, khái niệm về lịch sử Việt Nam, nội dung các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam.
- CLO2: Trên cơ sở thông hiểu kiến thức nền tảng về lịch sử Việt Nam, người học phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát được đặc điểm sự việc, hiện tượng lịch sử.
- CLO3: Người học phân tích, đánh giá được vai trò, vị trí, bản chất sự việc, hiện tượng lịch sử; lý giải nguyên nhân thành công và thất bại, rút ra bài học và quy luật lịch sử.

### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1	2	0	0	0	0	5
Nội dung 2	2	0	0	0	0	5
Nội dung 3	2	2	0	0	0	8
Nội dung 4	2	2	0	0	0	8

<b>Nội dung 5</b>	2	2	0	0	0	8
<b>Nội dung 6</b>	2	1	0	0	0	8
<b>Nội dung 7</b>	2	2	0	0	0	8
<b>Nội dung 7</b>		2	0	0	0	5
<b>Nội dung 8</b>	2	2	0	0	0	8
<b>Nội dung 9</b>	2	2	0	0	0	8
<b>Nội dung 10</b>		2	0	0	0	5
<b>Nội dung 11</b>	0	2	0	0	0	5
<b>Nội dung 12</b>	0	2	0	0	0	10
<b>Nội dung 13</b>	0	2	0	0	0	4
<b>TỔNG</b>	<b>18</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3	50%
2	Bài tập lớn theo QĐ	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.



- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

1. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (2010), *Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Nguyễn Quang Ngọc (2002), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2010), *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

3. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên) (2002), *Đại cương Lịch sử Việt Nam (tập 2)*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

## **19. HÁN NÔM/ SCIENTIFIC SOCIALISM**

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 0BT, 24TH)

- Mã học phần: 121076

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Hán Nôm cung cấp cho người học những vấn đề chung về chữ Hán, chữ Nôm, bao gồm: nguồn gốc, quá trình hình thành chữ Hán, cấu tạo của chữ Hán, cách viết chữ Hán; những vấn đề cơ bản của chữ Nôm, cấu tạo của chữ Nôm; những kiến thức chung về các loại hình văn bản Hán Nôm tại di tích như, tên di tích, hoành phi – câu đối, văn bia, thơ đề...

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Những kiến thức cơ bản về chữ Hán & chữ Nôm như: nguồn gốc, sự hình thành, quá trình phát triển; kết cấu, hình thể; các nét cơ bản, các nét biến thể, cách viết chữ Hán, bộ thủ; những kiến thức về tự từ và câu trong Hán văn cổ.

- CO2: Phân biệt được các loại hình văn bản Hán Nôm tại di tích, hiểu được cách bài trí, tư tưởng, tình cảm, lời gửi gắm của tiên nhân/các vị thánh thần được chuyên tải qua tên di tích, hoành phi – câu đối, văn bia, thơ đề...

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Phiên âm và hiểu được ý nghĩa của của chữ Hán; hiểu được cấu tạo và cách đọc một chữ Nôm;

- CLO2: Hiểu được tư tưởng tình cảm, lời nhắn gửi của tiên nhân/các vị thánh thần qua các loại hình văn bản Hán Nôm.

- CLO3: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hợp tác nhằm mục tiêu đạt được kết quả tốt nhất cho công việc chung.

- CLO4: Vận dụng những kiến thức đã được học để tiếp tục học tập, nghiên cứu sâu thêm về chữ Hán chữ Nôm, văn bản Hán, văn bản Nôm tại di tích nói riêng; về lịch sử, văn hóa của dân tộc nói chung.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Phần 1. Đại cương về chữ Hán</b>						
Bài 1. Văn tự Hán – nguồn gốc, hình thể, kết cấu	1	0	0	2	0	5
Bài 2. Chữ Hán – quy tắc bút thuận	3	0	0	2	0	15
Bài 3. 214 bộ thủ chữ Hán	2	0	0	2	0	15
Bài 4. Tự, từ và câu trong Hán văn cổ	1	0	0	2	0	5
Bài 5. Tiếp cận văn bản Hán qua một số tác phẩm tiêu biểu:	4	0	0	2	0	20
<b>Phần 2. Di tích và các thể loại văn bản tại di tích</b>						
Bài 6. Đọc tên di tích	1	0	0	2	0	5
Bài 7. Hoàn phi – câu đối	1	0	0	3	0	5
Bài 8. Văn bia và cách đọc văn bia	1	0	0	3		5
<b>Phần 3. Những vấn đề cơ bản của chữ Nôm</b>						
Bài 9. Chữ Nôm – nguồn gốc và quá trình phát triển	2	0	0	3	0	5
Bài 10. Cấu tạo và quá trình phát triển của chữ Nôm	2	0	0	3	0	10
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>24</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

#### 5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1	CLO1	<b>30%</b>

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
		<i>(đánh giá bài kiểm tra)</i>	CLO2	
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 <i>(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 <i>(đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ</b>				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 <i>(đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ)</i>	CLO1 CLO2 CLO3	<b>20%</b>
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	<b>50%</b>
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

### 7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính

1. Đặng Đức Siêu (2007), *Ngữ văn Hán Nôm T1, T2*, Nxb. ĐH Sư phạm, Hà Nội.

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Khẩn (2000) *GT nhập môn về thư pháp Chữ Hán những vấn đề cơ bản*, Nxb ĐHQG TP. HCM.
2. Nguyễn Ngọc San (2003), *Lý thuyết chữ Nôm*, văn Nôm, Nxb ĐH Sư phạm.

## 20. HỆ THỐNG DI TÍCH - DANH THẮNG VIỆT NAM/VIETNAM'S HISTORIC - SCENIC LANDSCAPE

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 36 TL, 0TH)
- Mã học phần: 124096
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Giới thiệu những kiến thức cơ bản, hệ thống về: cơ sở hình thành các loại hình văn hóa vật thể ở Việt Nam; những thành tố cơ bản của hệ thống di tích và danh thắng

Việt Nam; vấn đề quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích và danh thắng, đặc biệt nhấn mạnh trong lĩnh vực phát triển kinh tế du lịch. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp nghiên cứu chuyên ngành cơ bản.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV nắm được những kiến thức cơ bản về: khái niệm văn hóa, di tích, danh thắng; mối quan hệ giữa các khái niệm; đặc điểm, vai trò, ý nghĩa của hệ thống di tích danh thắng đối với đời sống cộng đồng nói chung, đối với phát triển kinh tế xã hội và du lịch nói riêng

- CO2: SV nắm được thực trạng và các biện pháp bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích và danh thắng Việt Nam; khai thác giá trị của hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam vào phát triển du lịch

- CO3: SV phân biệt được các loại hình, nắm được đặc điểm của từng loại hình di tích và danh thắng.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được các khái niệm liên quan đến văn hóa, văn hóa vật thể, di tích, danh thắng..

- CLO2: Trình bày được điều kiện tự nhiên, điều kiện lịch sử dẫn đến sự hình thành di tích, danh thắng ở Việt Nam..

- CLO3: Giải thích được yếu tố tộc người và vấn đề giao lưu văn hóa đối với sự hình thành hệ thống di tích, danh thắng ở Việt Nam.

- CLO4: Nhận diện, phân loại được các loại hình di tích, danh thắng ở Việt Nam.

- CLO5: Làm rõ được vai trò và ý nghĩa lịch sử văn hóa của các loại hình di tích, danh thắng ở Việt Nam.

- CLO6: Phân tích được hiện trạng của các di tích, danh thắng ở Việt Nam hiện nay.

- CLO7: Làm rõ được vai trò đối với phát triển du lịch của các loại hình di tích hiện nay.

- CLO8: Đề xuất các giải pháp để quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích, danh thắng ở Việt Nam hiện nay.

## 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề chung	4	6	0	0	0	25
Nội dung 2: Cơ sở hình thành và bảo lưu hệ thống di tích và danh thắng Việt Nam	4	6	0	0	0	25
Nội dung 3. Cơ sở hình thành và bảo	4	6	0	0	0	25

lưu hệ thống di tích và danh thắng việt nam (yếu tố tộc người – giao lưu khu vực						
Nội dung 4. Tổng quan các loại hình di tích và danh thắng	4	6	0	0	0	25
Nội dung 5. Các loại hình di tích, danh thắng tiêu biểu ở Việt Nam	7	6	0	0	0	25
Nội dung 6. Quản lý, bảo tồn và phát huy tác dụng của các di tích và danh thắng ở Việt Nam	4	6	0	0	0	10
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.4, CLO1.5	
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO 1.6, CLO 1.7, CLO1.8,	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

1. Dương Văn Sáu (2017), *Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Tổng cục Du lịch (2005), *Non nước Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

2. Trần Lâm Biền (2017), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt: vùng Châu thổ Sông Hồng*, Nxb Hồng Đức.

3. Trần Lâm Biền (2017) *Đình làng Việt Nam*, Nxb Hồng Đức.

## **21. CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM/VIET NAM ETHNICITIES**

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 36 TL)

- Mã số học phần: 127060

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Các dân tộc Việt Nam trang bị các kiến thức về: Những kiến thức cơ bản lý luận chung về các dân tộc ở Việt Nam: Khái niệm về dân tộc, các tiêu chí xác định tộc người, đối tượng nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, lịch sử phát triển của dân tộc học trên thế giới và Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế tộc người; đặc điểm xã hội tộc người: các tộc người thiểu số ở phía Bắc, các tộc người thiểu số ở phía Nam, đặc điểm xã hội của người Kinh (Việt); đặc điểm văn hoá tộc người: Đặc điểm văn hoá sản xuất, đặc điểm văn hoá bảo đảm đời sống, đặc điểm văn hoá chuẩn mực xã hội, đặc điểm văn hoá nhận thức; các tộc người thuộc các ngữ hệ khác nhau: Ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Thái, ngữ hệ Hán-Tạng, ngữ hệ Nam Đảo.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về các dân tộc ở Việt Nam, từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề: Quá trình tộc người - lịch sử tộc người, mối quan hệ dân tộc, vấn đề dân số và phân bố dân cư; kiến thức cơ bản về các tộc người thuộc các ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Thái, ngữ hệ Hán-Tạng, ngữ hệ Nam Đảo ở Việt nam; hệ kiến thức về đặc điểm kinh tế - xã hội các tộc người ở Việt nam; khối kiến thức về đặc trưng văn hóa tộc người ở Việt Nam.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các những kiến thức cơ bản về tiêu chí xác định tộc người; kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh để thấy được những tương đồng và khác biệt về quá trình tộc người cũng như những đặc điểm

về kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc ở Việt Nam. Bên cạnh đó còn cung cấp kỹ năng bậc cao về các lĩnh vực chuyên sâu về dân tộc học, các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy độc lập

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của dân tộc ở Việt Nam, trân quý lịch sử tộc người, di sản văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, từ đó nhận thức sâu sắc hơn về lịch sử - văn hóa dân tộc, quốc gia dân tộc và nhân loại. Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa tộc người nói chung, có ý thức trong bảo tồn và phát huy giá trị.

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam, các tiêu chí xác định tộc người, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phương pháp nghiên cứu về các dân tộc Việt Nam, mối liên hệ giữa dân tộc học và các ngành khoa học khác, quá trình phát triển của dân tộc học/nhân học trên thế giới và Việt Nam.

- CLO2: Phân tích làm rõ điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư. Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam và những biến đổi. Tổng quan về các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Thái, Hán - Tạng, Nam Đảo ở Việt Nam.

- CLO3: Phân tích, xử lý được các tư liệu dân tộc học, lập bản đồ các dân tộc Việt Nam từ đó vận dụng vào nghiên cứu lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như mối quan hệ dân tộc ở từng địa phương, khu vực, vùng miền.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng nguồn gốc lịch sử tộc người, các giá trị di sản văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam; đồng thời đưa ra được những kiến nghị, giải pháp tích cực trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội tộc người hiện nay.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực dân tộc học.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam</b> 1.1. Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam 1.2. Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần	3	4	0	0	0	15
<b>Chương 2: Điều kiện tự nhiên,</b>	3	4	0	0	0	15

<b>lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư</b> 1.1. Điều kiện tự nhiên 1.2. Đặc điểm của lịch sử tộc người 1.3. Dân số và phân bố tộc người 1.4. Những biến đổi hiện nay						
<b>Chương 3: Đặc điểm kinh tế truyền thống các dân tộc ở Việt Nam</b> 1.1. Các loại hình kinh tế truyền thống 1.2. Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người 1.3. Những biến đổi của kinh tế trong thời kỳ hiện đại	3	4	0	0	0	15
<b>Chương 4: Đặc điểm xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam</b> 1.1. Các tộc người thiểu số ở phía Bắc 1.2. Các tộc người thiểu số ở phía Nam 1.3. Đặc điểm xã hội của người Kinh (Việt) 1.4. Những biến đổi hiện nay	3	4	0	0	0	15
<b>Chương 5: Đặc điểm văn hoá truyền thống các dân tộc ở Việt Nam</b> 5.1. Xung quanh khái niệm văn hoá và văn hoá tộc người 5.2. Đặc điểm văn hoá sản xuất 5.3. Đặc điểm văn hoá bảo đảm đời sống 5.4. Đặc điểm văn hoá chuẩn mực xã hội 5.5. Đặc điểm văn hoá nhận thức	3	4	0	0	0	15
<b>Chương 6: Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á ở Việt Nam</b> 6.1. Nhóm ngôn ngữ Việt-Mường 6.2. Nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer:	3	4	0	0	0	15



Người Khome, Khomú, Bana, Mnông, Xơ đăng, Coho, H'rê, Hmông, Xtiêng, Bru-Vân kiều, Cotu, Tà ôi, Mạ, Co, Gié-triêng, Xinhmun, Choro, Mảng, Kháng, Romăm, O đu, Brâu. 6.3. Nhóm ngôn ngữ Mông-Dao 6.4. Nhóm hỗn hợp: 4 ngôn ngữ						
<b>Chương 7: Các tộc người thuộc ngữ hệ Thái ở Việt Nam</b> 7.1. Người Thái 7.2. Người Tày 7.3. Người Nùng 7.4. Người Sán Chay (Cao Lan-Sán Chỉ) 7.5. Người Giáy 7.6. Người Lào 7.7. Người Lự 7.8. Người Bố Y	3	4	0	0	0	15
<b>Chương 8: Các tộc người thuộc ngữ hệ Hán-Tạng</b> 8.1. Nhóm ngôn ngữ Hoa (Hán) 8.2. Nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến	3	4	0	0	0	15
<b>Chương 9: Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo</b> 9.1. Người Chăm 9.2. Người Gia rai 9.3. Người Ê đê 9.4. Raglai, Churu	3	4	0	0	0	15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				

1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía bắc), Nxb KHXH, Hà Nội.

2. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Nam), Nxb KHXH, Hà Nội.

3. Lê Sĩ Giáo (2007) (chủ biên), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

## **22. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. PHONG TỤC TẬP QUÁN VIỆT NAM/ VIETNAMESE HABITS AND CUSTOMS**

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 36TL)
- Mã học phần: 121045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam

#### **1 . Mô tả học phần**

Nội dung học phần: Học phần trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về phong tục tập quán Việt Nam. Trong đó bao gồm: Phong tục tập quán trong đời sống vật chất (ăn, mặc, ở, đi lại); Các phong tục tập quán trong chu kỳ vòng đời của con người (hôn nhân, tang ma, sinh đẻ); Các phong tục tập quán trong sản xuất (canh tác lúa nước, canh tác nương rẫy, chăn nuôi, săn bắt, hái lượm, đánh cá, các nghề thủ công); Các phong tục tập quán trong lễ tết và lễ hội; Các phong tục tập quán trong gia đình - dòng họ; Các phong tục tập quán trong làng xã, bản mường.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Cung cấp cho sv những kiến thức cơ bản về phong tục tập quán: Nhận thức được nguồn gốc các dân tộc (ethnics) ở Việt Nam; Các phong tục tập quán trong đời sống vật chất, cụ thể là các phong tục tập quán trong ẩm thực, trong ở, mặc, đi lại; Các phong tục tập quán trong chu kỳ vòng đời của con người, cụ thể như các phong tục trong hôn nhân, tang ma và sinh đẻ; Các phong tục tập quán trong sản xuất, cụ thể như tập quán canh tác lúa nước, tập quán canh tác nương rẫy, tập quán chăn nuôi, tập quán khai thác tự nhiên (săn bắt, hái lượm, đánh cá...), tập quán hoạt động của các nghề thủ công; Các phong tục tập quán trong lễ tết và lễ hội; Các phong tục tập quán trong gia đình - dòng họ; Các phong tục tập quán trong làng xã; Các phong tục tập quán trong bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh (y học dân gian)v.v...

- CO2: Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng bậc cao các lĩnh vực chuyên sâu về phong tục tập quán tộc người như: Cách tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề về phong tục tập quán một cách khoa học; Tìm kiếm, xử lý các nguồn tài liệu cần thiết cho học tập nghiên cứu phong tục tập quán; Phân tích, đánh giá, khái quát và vận dụng kiến thức ngành học vào cuộc sống.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về các vấn đề nguồn gốc các dân tộc (ethnics) ở Việt Nam; phong tục tập quán trong đời sống vật chất.

- CLO2: Nắm vững kiến thức về phong tục tập quán trong chu kỳ vòng đời của con người; phong tục tập quán trong sinh kế, cụ thể như tập quán canh tác, chăn nuôi, khai thác tự nhiên, các nghề thủ công.

- CLO3: Nắm vững kiến thức về phong tục tập quán trong lễ tết và lễ hội, gia đình - dòng họ; các phong tục tập quán trong làng xã; phong tục tập quán trong bảo vệ sức khỏe và chữa bệnh.

- CLO4: Hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tự nhận xét, phân tích đánh giá các phong tục tập quán Việt Nam.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Xung quanh khái niệm, tình hình và nội dung nghiên cứu phong tục tập quán Việt Nam	4	6	0	0	0	25
Nội dung 2 Phong tục tập quán trong đời sống văn hóa vật chất	4	6	0	0	0	25
Nội dung 3 Phong tục tập quán liên quan đến chu kỳ vòng đời	4	6	0	0	0	25
Nội dung 4 Phong tục tập quán trong sinh hoạt xã hội	5	6	0	0	0	25
Nội dung 5 Phong tục tập quán trong lao động sản xuất	5	6	0	0	0	25
Nội dung 6 Phong tục tập quán trong tín ngưỡng - tôn giáo và lễ tết - lễ hội...	5	6	0	0	0	10
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

#### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric kiểm tra giữa kỳ	CLO4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

1. Phan Kế Bính (2001), *Việt Nam phong tục*, NXB Văn học, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

1. Đào Duy Anh (2003), *Việt Nam văn hoá sử cương*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

2. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

## **b. VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á/ SOUTHEAST ASIAN CULTURE**

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)

- Mã học phần: 127065

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Không

## 1. Mô tả học phần

Học phần Văn hóa Đông Nam Á cung cấp một hệ thống kiến thức chuyên sâu, tổng hợp về văn hóa Đông Nam Á trên các lĩnh vực đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người; tiến trình lịch sử và văn hóa của khu vực; các thành tố văn hóa Đông Nam Á.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học trình bày được khái niệm về văn hóa (dưới góc độ chính trị và từ góc độ văn hóa), đi sâu phân tích, đánh giá một cách sáng tạo những đặc trưng cơ bản của văn hóa từng quốc gia và những điểm chung của văn hóa các quốc gia Đông Nam Á với văn hóa khu vực, qua đó thấy được tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á.

- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, văn hóa; có khả năng viết báo cáo.

- CO3: Người học có thái độ trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam và Đông Nam Á; có ý thức bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hoá Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng, qua đó góp phần bảo tồn gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học trình bày được khái niệm về văn hóa, nguồn gốc các dân tộc, các giai đoạn lịch sử chính của Đông Nam Á.

- CLO2: Người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu, hiểu về các thành tố của văn hóa Đông Nam Á, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo được những đặc trưng cơ bản của văn hóa từng quốc gia và những điểm chung của văn hóa quốc gia với văn hóa khu vực.

- CLO3: Người học hiểu, phân tích và đánh giá được tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á trên cơ sở cái nhìn truyền thống và hội nhập, từ khi tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa, qua giai đoạn giao lưu với văn hóa phương Tây đến thời kỳ hội nhập hiện đại.

- CLO4: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á; kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu độc lập một vấn đề của lịch sử, văn hóa.

- CLO5: Trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam và Đông Nam Á; biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người</b> 1.1. Đặc điểm tự nhiên	9	12	0	0	0	45

1.2. Nguồn gốc các dân tộc Đông Nam Á - Chủ thể văn hóa Đông Nam Á						
<b>Chương 2: Tiến trình lịch sử văn hóa Đông Nam Á</b>						
2.1. Văn hóa Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử						
2.2. Văn hóa Đông Nam Á từ buổi đầu lịch sử đến TK X	9	12	0	0	0	45
2.3. Văn hóa Đông Nam Á từ TK X đến TK XIX						
2.4. Văn hóa Đông Nam Á từ sau TK XIX đến năm 1945						
2.5. Văn hóa Đông Nam Á từ sau năm 1945 đến nay						
<b>Chương 3: Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á</b>						
3.1. Văn hóa vật chất phục vụ đời sống	9	12	0	0	0	45
3.2. Lễ hội - lễ tết						
3.3. Phong tục, tập quán						
3.4. Tỉn ngưỡng - tôn giáo						
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	20%

<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

### **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

#### **8.1. Giáo trình bắt buộc**

1) Mai Ngọc Chừ (1999), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb ĐHQG Hà Nội.

#### **8.2. Học liệu tham khảo**

1) Nguyễn Tất Đắc (2005), *Văn hóa Đông Nam Á*, Nxb GD HN.

2) Đinh Xuân Lý (2000), *Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN*, Nxb ĐHQGHN.

## **23. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 0TH)

- Mã học phần: 127066

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội truyền thống ở Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội (khái niệm, các loại hình cụ thể, cơ cấu và cách thức tổ chức...); phân biệt được tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào với tôn giáo bản địa; cơ sở hình thành, lịch sử, vai trò, giá trị của lễ hội truyền thống của Việt Nam.



## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Những kiến thức chung về khái niệm tín ngưỡng, tôn giáo, lễ, hội, lễ hội, lễ tục, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

- CO2: Những kiến thức về cơ sở hình thành, lịch sử, các loại hình của tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội. Qua đó tránh được sự nhầm lẫn giữa các loại hình tín ngưỡng và tôn giáo, đồng thời nâng cao được sự hiểu biết tại một cơ sở thờ tự, một lễ hội

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu, nhớ và phân tích được các khái niệm liên quan đến văn hóa phi vật thể

- CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, lịch sử, các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội truyền thống. Đồng thời phân biệt được các loại hình tôn giáo được du nhập từ bên ngoài vào với tôn giáo bản địa.

- CLO3: Xây dựng và thuyết trình về một ngôi chùa, nhà thờ, lễ hội cụ thể.

- CLO4: Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường học tập, nghề nghiệp

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Dẫn luận	3	5	0	0	0	20
<b>Nội dung 2</b> Tín ngưỡng ở Việt Nam	4	5	0	0	0	20
<b>Nội dung 3</b> Tôn giáo ở Việt Nam	4	5	0	0	0	20
<b>Nội dung 4</b> Đi thực tế tại thành phố Thanh Hóa	0	0	0	0	0	0
<b>Nội dung 5</b> Tổng quan về lễ hội ở Việt Nam	4	5	0	0	0	20
<b>Nội dung 6</b> Cơ sở hình thành lễ hội truyền thống ở Việt Nam	4	5	0	0	0	20
<b>Nội dung 7</b> Lịch sử lễ hội truyền thống Việt Nam	4	5	0	0	0	20

<b>Nội dung 8</b>						
Vấn đề phân loại và giá trị của lễ hội truyền thống Việt Nam	4	6	0	0	0	15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,CLO2	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3, CLO4	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	20%
<b>Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

1. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

1. Hoàng Lương (2011), *Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam – các tỉnh phía Bắc*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.

2. Trương Sĩ Hùng (2007). *Tôn giáo và văn hoá*. Nxb Khoa học xã hội.

3. Ngô Đức Thịnh (2018). *Tín ngưỡng lễ hội cổ truyền Việt nam*. Nxb Tri Thức.

## **b. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI/ HISTORY OF WORLD CIVILIZATION**

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 36 TL)

- Mã học phần: 127067

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: SV trình bày được các điều kiện ra đời của các nền văn minh: tự nhiên, xã hội, cư dân... giải thích các yếu tố tự nhiên, xã hội chi phối đến sự hình thành và giá trị của các nền văn minh; Nêu được các thành tựu của các nền văn minh cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại của nhân loại

- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá các giá trị văn minh nhân loại; lý giải sự kế thừa văn minh nhân loại đối với sự phát triển văn minh hiện đại và đương đại

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của môn Lịch sử văn minh thế giới, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại trong nền văn minh đương đại

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các nền văn minh trong lịch sử nhân loại

- CLO2: Lí giải được các yếu tố chi phối đến sự ra đời, các giá trị của nền văn minh các quốc gia, khu vực qua ừng thời kì lịch sử

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy chuyên đề trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử văn minh thế giới, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Một số vấn đề khái niệm-Văn minh Bắc Phi và Tây Á</b> 1.1. Một số vấn đề khái niệm 1.2. Văn minh Ai Cập cổ đại 1.3. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại	4	6	0	0	0	25
<b>Chương 2: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại</b> 2.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Ấn Độ cổ trung đại 2.2. Thành tựu văn minh	4	6	0	0	0	25
<b>Chương 3. Văn minh Trung Quốc cổ trung đại</b> 3.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Trung Quốc cổ trung đại 3.2. Những thành tựu chủ yếu	4	6	0	0	0	25
<b>Chương 4. Văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại</b> 4.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Hy Lạp cổ đại 4.2. Các thành tựu chủ yếu	4	6	0	0	0	25
<b>Chương 5. Tây Âu trung đại</b> 5.1. Điều kiện ra đời Tây Âu trung đại 5.2. Thành tựu văn minh Tây Âu thế kỉ V-VIV 5.3. Văn hóa Phục hưng	5	6	0	0	0	25

<b>Chương 6: Văn minh công nghiệp và văn minh thế kỉ XX</b>						
6.1. Điều kiện ra đời văn minh công nghiệp	6	6	0	0	0	10
6.2. Văn học, nghệ thuật cận đại						
6.3. Văn minh thế kỉ XX						
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc**

1) Vũ Dương Ninh (Chủ biên),(1998), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

2) Almanach, *Những nền văn minh thế giới* (2015), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

3) Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

## **24. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. VĂN HÓA ẨM THỰC VIỆT NAM/VIETNAM CUISINE CULTURE**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 30TL, 6TH)

- Mã học phần: 127064

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**

Nội dung học phần: trình bày một cách hệ thống những vấn đề cơ bản về ẩm thực truyền thống Việt Nam. Trong đó bao gồm: nền tảng của ẩm thực Việt Nam, những quan niệm và chuẩn mực trong ẩm thực của người Việt, nghệ thuật ẩm thực của người Việt, ẩm thực các vùng miền; ẩm thực của các dân tộc ít người tiêu biểu ở Việt Nam. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam. Vấn đề giao lưu văn hóa ẩm thực và vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Sinh viên trình bày và nắm vững khái niệm liên quan đến ẩm thực, ẩm thực truyền thống, mối quan hệ giữa ẩm thực và văn hóa, du lịch.

- CO2: Phân tích được các nguyên liệu sử dụng trong món ăn truyền thống Việt Nam;

- CO3: Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của từng vùng miền trên cả nước; Tính khoa học trong việc phối hợp nguyên liệu và chế biến món ăn Việt Nam;

- CO4: Phân tích được vai trò của ẩm thực đối với sự phát triển du lịch của từng vùng miền.

- CO5: Nhận diện được tập quán, khẩu vị món ăn của từng vùng miền, lựa chọn thực đơn phù hợp cho khách du lịch.

- CO6: Hình thành ý thức tôn trọng ẩm thực của quốc gia; có ý thức giữ gìn món ăn truyền thống dân tộc, ý thức trong việc phục vụ và giới thiệu món ăn đến du khách.

#### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Hệ thống hóa và trình bày được các khái niệm liên quan đến văn hóa, văn hóa ẩm thực; phân tích được mối quan hệ giữa ẩm thực truyền thống với điều kiện

tự nhiên, điều kiện lịch sử, xã hội của dân tộc.

- CLO2: Trình bày một số nguyên tắc cơ bản trong chế biến món ăn truyền thống của người Việt. Đồng thời, phân biệt được khẩu vị ẩm thực của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam.

- CLO3: Chỉ ra tính khoa học và nghệ thuật trong việc phối hợp nguyên liệu và chế biến món ăn Việt Nam;

- CLO4: Phân tích và làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống của từng vùng miền trên cả nước; và quá trình giao lưu ẩm thực với các nước trên thế giới; các món ăn đặc trưng của từng vùng miền, quốc gia phục vụ cho phát triển du lịch

- CLO5: Nhận diện các món ăn đặc sản vùng miền, lựa chọn thực đơn phù hợp đáp ứng được tâm lý du khách.

- CLO6: Hình thành kỹ năng thuyết trình, giới thiệu về món ăn theo vùng miền. Vận dụng lý thuyết về văn hóa ẩm thực để đưa ra các giải pháp phát triển du lịch cho từng địa phương

- CLO7: Hình thành quan điểm đúng đắn về việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy văn hóa ẩm thực của các vùng miền. Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập.

#### 4. Nội dung của học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Tổng
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Tự học, Tự NC	
Nội dung 1 : Một số vấn đề chung về văn hóa ẩm thực	3	3	0	0	15	
Nội dung 2: Nền tảng của ẩm thực Việt Nam	4	3	0	0	20	
Nội dung 3: Các bữa ăn của người Việt và nghệ thuật ẩm thực của người Việt	5	6	0	3	25	
Nội dung 4: Ẩm thực các vùng miền của Việt Nam	5	6	0	3	25	
Nội dung 5: Giao lưu văn hóa ẩm thực	5	6	0	0	25	
Nội dung 6: Vai trò của ẩm thực đối với phát triển du lịch	5	6	0	0	25	
<b>Cộng</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>135</b>	

## 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập cá nhân.

## 6. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO7	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1 CLO2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO4	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO5 CLO6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1 Giáo trình chính

1. Nguyễn Thị Huệ (2012), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.

### 8.2 Tài liệu tham khảo

1. Mai Khôi (2000), *Văn hoá ẩm thực Việt Nam - Các món ăn miền Trung*, Nxb Thanh Niên.

2. Lò Ngọc Quyên (2012), *Văn hóa ẩm thực dân gian*, Văn hóa dân tộc, Hà Nội.



## **b. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN/NEGOTIATION SKILLS**

- Số tín chỉ: 03 ( 27 LT, 30TL, 6TH)
- Mã học phần: 127068
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Việt Nam học – Du lịch.

### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị những kiến thức cần thiết và kỹ năng cơ bản về đàm phán trong kinh doanh, cũng như dựa vào những nguyên tắc để đàm phán hiệu quả. Nội dung chính tập trung vào mục đích đàm phán, phân tích kết quả đàm phán dựa vào lợi ích và mối quan hệ, các hình thức đàm phán, và những kỹ năng đàm phán.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Hiểu rõ tầm quan trọng và tiến trình của công việc đàm phán trong kinh doanh. Phân tích các phương án đàm phán dựa trên khía cạnh lợi ích và mối quan hệ trong những tình huống cụ thể.

- CO2: Vận dụng tốt các kiến thức và kỹ năng giao tiếp để thực hiện đàm phán hiệu quả.

- CO3: Làm việc nhóm và giải quyết vấn đề trên cơ sở vận dụng những kiến thức đàm phán. Tác phong học tập và nghiên cứu nghiêm túc, tích cực thảo luận và tư duy. Có tinh thần trách nhiệm trong tổ chức, làm việc nhóm.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Kiến thức cơ bản về kỹ năng đàm phán: Hiểu được khái niệm kỹ năng đàm phán; Có hiểu biết cơ bản về kỹ năng trong đàm phán; Vai trò của kỹ năng đàm phán trong kinh doanh du lịch.

- CLO2: Nguyên tắc đàm phán, so sánh được các kiểu đàm phán trong hoạt động kinh doanh; các giai đoạn, các công việc, các bước trong đàm phán hợp đồng, các rủi ro và phòng tránh rủi ro trong đàm phán hợp đồng.

- CLO3: Hình thành kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, phân biện.

- CLO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.

### **4. Nội dung học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Tổng quan chung về kỹ năng đàm phán	3	3	0	0	0	25
<b>Nội dung 2</b> Nguyên tắc, kiểu, hình thức và các giai đoạn đàm phán trong hoạt động kinh	6	7	0	0	0	25

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
doanh du lịch						
<b>Nội dung 3</b> Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh du lịch	6	7	0	0	0	25
<b>Nội dung 4</b> Thực hành và áp dụng kỹ năng đàm phán trong hoạt động kinh doanh du lịch	6	7	0	6	0	25
<b>Nội dung 5</b> Phân kết luận: Tóm tắt các khái niệm chính; Cơ hội nghề nghiệp trong ngành du lịch	6	6	0	0	0	35
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.</b>				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.	10%
<b>II. Kiểm tra thường xuyên</b>				<b>30%</b>
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	
<b>III. Thi kết thúc học phần</b>				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	<b>50%</b>
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc**

1. Đoàn Thị Hồng Vân (2011), *Giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

1. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2004), *Ứng xử văn hoá trong du lịch*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2. Dale Carnegie (2019), *Đắc nhân tâm*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

## **II. KIẾN THỨC NGÀNH**

### **25. TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM/ ROUTES AND TOURISM DESTINATION IN VIETNAM**

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL, 0TH)

- Mã học phần: 125180

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về tuyến và điểm du lịch Việt Nam: Những vấn đề lý luận chung về tuyến và điểm du lịch; Phân vùng du lịch Việt Nam; Đặc điểm chung của các vùng du lịch Việt Nam (về lịch sử, văn hóa, địa lý, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng); Điều kiện phát triển du lịch, sản phẩm du lịch đặc thù của mỗi vùng du lịch ở Việt Nam; hệ thống điểm, khu, tuyến du lịch của các vùng và liên vùng du lịch Việt Nam.

#### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Cung cấp cho SV hệ thống lý thuyết về điểm, tuyến và cơ sở hình thành điểm, tuyến du lịch; các kiến thức cơ bản về giá trị tài nguyên của điểm, tuyến; sự phân bố của các điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam

- CO2: Hình thành kỹ năng xây dựng tuyến du lịch, chương trình du lịch và các kỹ năng hỗ trợ như giao tiếp, thuyết trình

- CO3: Hướng sinh viên tiếp tục phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu; hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm của lao động du lịch.

#### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

- CLO1: Hệ thống kiến thức và hiểu rõ các khái niệm điểm, tuyến, loại hình, sản phẩm du lịch. Phân tích, so sánh được các giá trị hấp dẫn của các điểm, tuyến du lịch. Mối quan hệ và sự phân bố của các điểm, tuyến du lịch ở các vùng du lịch Việt Nam

- CLO2: Thiết kế và xây dựng các tuyến du lịch chuyên đề
- CLO3: Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình giới thiệu, quảng bá các điểm đến, các chương trình du lịch và tour du lịch
- CLO4: Thể hiện được khả năng tự học, tự nghiên cứu
- CLO5: Có năng lực tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1:</b> Những vấn đề chung	7	3	0	0	0	20
<b>Nội dung 2:</b> Tuyến và điểm vùng DL Trung du và miền núi phía Bắc	4	6	0	0	0	20
<b>Nội dung 3:</b> Tuyến điểm du lịch vùng ĐBSH và ĐHĐB	4	6	0	0	0	20
<b>Nội dung 4:</b> Tuyến điểm du lịch vùng Bắc Trung Bộ	4	7	0	0	0	25
<b>Nội dung 5:</b> Tuyến điểm du lịch vùng DHNTB và Tây Nguyên	4	7	0	0	0	25
<b>Nội dung 6:</b> Tuyến điểm du lịch Vùng ĐNB và ĐBSCL	4	7	0	0	0	25
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1.1	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1.2 CLO2.1	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3.1	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo	CLO1.2	

		luận nhóm	CLO2.1 CLO2.2	
5	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2.2 CLO3.1	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1.2 CLO2.1 CLO3.1	20%
<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1.1 CLO1.2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2.2 CLO3.1	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### *Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Bùi Hải Yến (2017), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

#### *Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo*

[1]. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quy hoạch phát triển du lịch Duyên hải Đông Bắc và đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 tầm nhìn 2030*.

[2]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch, *Bản đồ du lịch Việt Nam*, Nxb TN-MT & bản đồ VN, Hà Nội.

## 26. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

### a. TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM/ VIETNAM TOURISM RESOURCES AND ENVIRONMENT

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 0TH)

- Mã học phần: 125026

- Bộ môn quản lý học phần: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần hệ thống các kiến thức về điều kiện về tài nguyên du lịch và môi trường du lịch tại Việt Nam. Qua đó sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, bảo vệ tài

nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững. Sinh viên sẽ đặt được những năng lực như giới thiệu được các tài nguyên du lịch và môi trường phát triển của ngành du lịch Việt Nam, vận dụng sáng tạo được các điều kiện đó vào nghề du lịch.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu được các kiến thức về điều kiện về tài nguyên du lịch và môi trường du lịch tại Việt Nam.

- CO2: Người học nhận thức, phân tích, đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch và các định hướng, giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.

- CO3: Người học có được những năng lực nghề nghiệp cần thiết như giới thiệu, thuyết minh được các tài nguyên du lịch và môi trường phát triển của ngành du lịch Việt Nam, vận dụng sáng tạo được các điều kiện đó vào thực tiễn.

## 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Trình bày và phân tích được đặc điểm và vai trò của tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam; đánh giá được thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam.

- CLO2: Phân tích và vận dụng sáng tạo được định hướng và giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.

- CLO3: Hình thành và hoàn thiện các kỹ năng cơ bản cũng như nâng cao: thuyết trình, hợp tác và quản lý nhóm, giao tiếp ứng xử, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch và tổ chức công việc; có khả năng vận dụng kiến thức để thiết kế tours tuyến du lịch đảm bảo các nguyên tắc bảo vệ TN và MT, có khả năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tours tuyến du lịch.

- CLO4: Tự tin vận dụng kiến thức vào lập kế hoạch, thiết kế và tổ chức thực hiện tour; hình thành tác phong chuyên nghiệp trong xử lý tình huống và giải quyết vấn đề thực tế; có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ và tuyên truyền bảo vệ TN & MT du lịch Việt Nam.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)				
	LT	BT/TL	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Khái quát chung	2	5	0	0	20
Nội dung 2: Những nhân tố tác động đến tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	5	5	0	0	20
Nội dung 3: Tài nguyên du lịch Việt Nam	5	5	0	0	20
Nội dung 4: Môi trường du lịch Việt Nam	5	5	0	0	20

Nội dung 5: Tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và môi trường	5	5	0	0	20
Nội dung 6: Định hướng và giải pháp khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững	5	5	0	0	20
Nội dung 7: Thực hành viết báo cáo đánh giá thực trạng tài nguyên và môi trường du lịch địa phương	0	6	0	0	15
<b>Cộng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình, thực hành.

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,CLO2	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3, CLO4	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	20%
<b>Thi cuối kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra

giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[1]. Phạm Trung Lương (2001), Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[2]. Bùi Thị Hải Yến (chủ biên) (2011), Tài nguyên du lịch. NXB Giáo dục Việt Nam.

[3]. Tổng Công ty Du lịch (2005), Non nước Việt Nam, NXB Hà Nội, Hà Nội.

## **b. ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM/Tourism geography of Vietnam**

- Số tín chỉ: 3TC (27LT; 36TL; 0TH)

- Mã học phần: 125037

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí

- Điều kiện tiên quyết: Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam

### **1. Mô tả học phần**

Tổng quan về du lịch và địa lý du lịch (nhập môn, địa lý cầu du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức không gian và quy hoạch du lịch); thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam (tài nguyên du lịch, hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam).

### **2. Mục tiêu học phần**

CO1: Hiểu và phân tích được các kiến thức lý luận về địa lý du lịch (các khái niệm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch, các yếu tố hợp thành lãnh thổ du lịch, mối quan hệ giữa du lịch với kinh tế, xã hội và môi trường). Phân tích được đặc điểm tài nguyên và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và 7 vùng du lịch của nước ta.

CO2: Hoàn thiện kỹ năng tự học, phối hợp làm việc nhóm và làm chủ nhóm, viết báo cáo thuyết minh một điểm, khu, tuyến du lịch. Xử lý, nhận xét và giải thích các số liệu thống kê về thực trạng phát triển du lịch. Thành thạo kỹ năng lập sơ đồ tuyến, điểm du lịch.

CO3: Có thái độ chủ động, chia sẻ trong công việc; xây dựng thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng, xã hội và môi trường.

### **3. Chuẩn đầu ra của học phần**

CLO1: Hiểu và phân tích được tổng quan về địa lý du lịch

CLO2: Phân tích và đánh giá được tài nguyên, thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và 7 vùng du lịch ở nước ta

CLO3: Phân tích được mối quan hệ giữa các hợp phần tài nguyên và sự hình thành, phân bố các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch

CLO4: Xử lý thành thạo các bảng số liệu thống kê du lịch, nhận xét và giải thích



các số liệu thống kê, phản biện vấn đề địa lí du lịch

CLO5: Xây dựng tuyến DL, chương trình DL và viết báo cáo thuyết minh giá trị tài nguyên du lịch trên các tuyến

CLO6: Hình thành tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình

CLO7: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên du lịch của đất nước

#### 4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Nhập môn Địa lý du lịch (LT:2; TL:0)</b> 1. Địa lý du lịch 2. Tác động của ngành Du lịch 3. Lịch sử hình thành và phát triển ngành Du lịch 4. Các loại hình du lịch 5. Xu hướng phát triển của địa lý du lịch 6. Nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch	2	3	0	0	0	10
<b>Chương 2: Địa lý cầu du lịch</b> 1. Các thuyết về động cơ du lịch 2. Khách du lịch 3. Cầu du lịch	2	3	0	0	0	10
<b>Chương 3: Tài nguyên du lịch</b> 1. Quan niệm, vai trò, đặc điểm và phân loại 2. Tài nguyên du lịch tự nhiên 3. Tài nguyên du lịch văn hóa 4. Khai thác hợp lí tài nguyên và phát triển du lịch bền vững	2	3	0	0	0	10
<b>Chương 4: Tổ chức không gian và quy hoạch du lịch</b> 1. Quan niệm 2. Vai trò của tổ chức không gian du lịch 3. Các cấp độ trong tổ chức không gian du lịch	2	3	0	0	0	10

4. Quy hoạch phát triển du lịch						
<b>Chương 5: Tài nguyên du lịch Việt Nam</b> 1. Vị trí địa lý 2. Tài nguyên du lịch	2	3	0	0	2	10
<b>Chương 6: Sự phát triển du lịch ở Việt Nam</b> 1. Quá trình phát triển du lịch 2. Thực trạng hoạt động kinh doanh du lịch	3	3	0	0	0	10
<b>Chương 7: Vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc Bộ</b> 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	3	3	0	0	0	10
<b>Chương 8: Vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc</b> 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	3	3	0	0	0	10
<b>Chương 9: Vùng du lịch Bắc Trung Bộ</b> 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	2	3	0	0	0	10
<b>Chương 10: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ</b> 1. Khái quát	2	3	0	2	0	15

2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia						
<b>Chương 11: Vùng du lịch Đông Nam Bộ và vùng du lịch Tây Nguyên</b> 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	2	3	0	2	0	15
<b>Chương 12: Vùng du lịch Đồng bằng sông Cửu Long</b> 1. Khái quát 2. Tài nguyên du lịch 3. Thực trạng phát triển du lịch 4. Sản phẩm du lịch đặc trưng và các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch 5. Hệ thống khu, điểm, tuyến, trung tâm và đô thị du lịch quốc gia	2	3	0	2	0	15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; đóng vai

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,5	30%
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5,6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5,7	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO4,5,6,7	

<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
<b>Thi cuối kỳ (01)</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,7	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO2,3,4,6	
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Minh Tuệ - Vũ Đình Hòa (đồng chủ biên). *Địa lý du lịch - Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam, 2017

#### 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Phương Nga – Trịnh Thị Phan (2023), *Cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội
2. Trịnh Thị Phan (2022), *Phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ - Cơ sở lý luận và thực tiễn*. Nxb Thông tin và Truyền thông

## 27. TIẾNG ANH DU LỊCH 1/ ENGLISH FOR TOURISM 1

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 0TL, 36TH)
- Mã học phần: 127049
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

### 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong khách sạn, nhà hàng. Học phần được chia thành các

chủ đề là các tình huống giao tiếp trong nhà hàng khách sạn như: đặt giữ chỗ khách sạn, nhà hàng, làm thủ tục check in, check out và thành toán cho khách. Ngoài ra, người học còn được thực tập giải quyết các tình huống thực tế trong ngành nhà hàng và khách sạn bằng tiếng Anh.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về nghề phục vụ nhà hàng và khách sạn;
- CO2: Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn;
- CO3: Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;
- CO4: Sử dụng và phát triển kiến thức về ngữ pháp, cấu trúc câu và cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu nhớ các vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn;
- CLO2: Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này;.
- CLO3: Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh.
- CLO4: Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh với khách hàng, xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực khách sạn, nhà hàng...

## 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bố số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Bài 1: Jobs in hotel and restaurant</b>	3	0	0	4	0	15
<b>Bài 2. Making a reservation</b>	3	0	0	4	0	15
Bài 3: Hotel check in	3	0	0	4	0	15
Bài 4: Providing hotel services and facilities	3	0	0	4	0	15
Bài 5: Receiving guests in a restaurant	3	0	0	4	0	15
Bài 6: Taking order and serving meal	3	0	0	4	0	15

Bài 7: Problems and requests while dining	3	0	0	4	0	15
Bài 8. Settling the bill in restaurant	3	0	0	4	0	15
Bài 9: Checking out	3	0	0	4	0	15
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Thực hành	Rubric đánh giá thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Thi trắc nghiệm	Rubric đánh giá bài thi trắc nghiệm/ Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra

giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

[1]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 1*. NXB Tổng hợp TP HCM

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 2*. NXB Tổng hợp TP HCM

[2]. Nguyễn Quang. (2013), *English course for tourism*. NXB ĐH Sư phạm TP HCM

## **28. TIẾNG ANH DU LỊCH 2/ ENGLISH FOR TOURISM 2**

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 0TL, 36TH)

- Mã học phần: 127050

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh cơ bản được sử dụng trong hoạt động kinh doanh lữ hành, trong đó có hoạt động hướng dẫn du lịch. Học phần được chia thành các chủ đề là các tình huống giao tiếp trong du lịch như: Chuẩn bị trước chuyến đi, thủ tục xuất - nhập cảnh sân bay, phục vụ khách vui chơi giải trí, thuyết minh - hướng dẫn cho khách theo chủ đề. Ngoài ra, người học còn được thực hành giải quyết các tình huống thực tế trong hoạt động hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch và kinh doanh lữ hành;

- CO2: Nắm vững vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành kinh doanh dịch vụ lữ hành;

- CO3: Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực này.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu nhớ các vốn từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành du lịch khách sạn, đặc biệt trong lĩnh vực lữ hành, vui chơi giải trí..

- CLO2: Sử dụng và phát triển vốn từ vựng chuyên ngành du lịch để có thể đọc hiểu tài liệu tham khảo hoặc nghe giảng các chủ đề trong lĩnh vực du lịch.

- CLO3: Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh

- CLO4: Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh với khách hàng, xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực kinh doanh lữ hành...

- CLO5: Nhận thức được vai trò của tiếng Anh trong hoạt động du lịch, có ý thức tự học, tự trau dồi ngoại ngữ.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài1: Before the trip	2	0	0	3	0	10
Bài2: At the airport	2	0	0	3	0	10
Bài3: Being on board	2	0	0	3	0	10
Bài4: Arrival	3	0	0	3	0	10
Bài5: Shopping	3	0	0	3	0	10
Bài6: Entertainment	3	0	0	3	0	10
Bài 7: Problems and requests while traveling	3	0	0	3	0	10
Bài 8: Campus Tour (Hong Duc University)	3	0	0	5	0	15
Bài 9: City tour guide 1	3	0	0	5	0	15
Bài10: City tour guide 2	3	0	0	5	0	15
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

#### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thực hành	Rubric đánh giá thực hành	CLO4, CLO5	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO4, CLO5	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
				50%



1	Thi trắc nghiệm	Rubric đánh giá bài thi trắc nghiệm/ Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình chính

[1]. Kiwi Cheng, Owain Mckimm (2016), *Specialized English for Tourism*, NXB Tổng hợp, Tp. HCM.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 1*. NXB Tổng hợp TPHCM

[2]. Frank Levin. (2016) *English for tourism and restaurant 2*. NXB Tổng hợp TPHCM.

## 29. THỰC HÀNH TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH 1 /PRACTICE ROUTES AND ATTRACTIONS 1

- Số tín chỉ: 3 (0LT, 0TL, 90TH)
- Mã học phần: 127055
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

### 1. Mô tả học phần

Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh miền Bắc. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về đặc điểm vùng du lịch trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc;
- CO2: Nắm vững nội dung của các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của hai vùng du lịch: trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc;
- CO3: Nắm vững các tuyến du lịch chính của Việt Nam và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.
- CO4: Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các điểm du lịch của 2 vùng du lịch trung du miền núi phía bắc và đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Những kiến thức cơ bản về các tuyến và điểm du lịch thuộc các tỉnh phía Bắc: địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế...; đặc điểm cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và sản phẩm du lịch đặc thù của các địa phương.
- CLO2: Hình thành và vận dụng tri thức để phân tích, đánh giá, so sánh đặc điểm các sản phẩm du lịch; từ đó hoàn thiện xây dựng bài thuyết minh phục vụ khách tham quan các tỉnh phía Bắc.
- CLO3: Thuyết trình, thuyết minh du lịch và tác nghiệp hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.
- CLO4: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.

### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên	0	0	0	10	0	15
<b>Nội dung 2</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Lào Cai - Yên Bái - Phú Thọ	0	0	0	10	0	15
<b>Nội dung 3</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Phú Thọ - Vĩnh Phúc	0	0	0	10	0	15

<b>Nội dung 4</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Tuyên Quang - Thái Nguyên - Lạng Sơn	0	0	0	10	0	15
<b>Nội dung 5</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Hà Giang - Cao Bằng - Bắc Cạn	0	0	0	10	0	20
<b>Nội dung 6</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch tại Hà Nội và phụ cận	0	0	0	10	0	20
<b>Nội dung 7</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Quảng Ninh - Hải Phòng	0	0	0	15	0	20
<b>Nội dung 8:</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Ninh Bình	0	0	0	15	0	15
<b>TỔNG</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Thực hành	Rubric kiểm tra giữa kỳ	CLO1	20%

Thi cuối kì				
1	Thực hành	Đề bài thu hoạch	CLO 1	50%
2	Bài thu hoạch	Rubric đánh giá bài thu hoạch thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)*, TN-MT & bản đồ VN.

#### 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1]. Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyển Điểm Du Lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[2]. Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). *Giáo trình Địa lý du lịch*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 30. THỰC HÀNH TUYẾN, ĐIỂM DU LỊCH 2/PRACTICE ROUTES AND ATTRACTIONS 2

- Số tín chỉ: 3 (0LT, 0TL, 90TH)
- Mã học phần: 127057
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tuyển điểm du lịch Việt Nam

### 1. Mô tả học phần

Học phần này vừa giúp cho sinh viên làm quen với thực tế vừa tạo điều kiện cho sinh viên thu thập thông tin về du lịch. Mục đích của học phần nhằm trang bị cho những hiểu biết thực tế về các tuyến điểm du lịch và việc tổ chức hoạt động du lịch tại các tỉnh thuộc vùng du lịch Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng kiến thức đa học vào thực tế, bước đầu thấy được những đặc điểm và yêu cầu đối với người hướng dẫn viên du lịch.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về các tuyến - điểm du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

- CO2: Nắm vững nội dung của các điểm du lịch nổi tiếng và quan trọng của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

- CO3: Nắm vững các tuyến du lịch chính của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên và nội dung thuyết minh trên từng tuyến.

- CO4: Nắm vững các kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, tôn giáo... có liên quan đến các tuyến và điểm du lịch của khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Những kiến thức cơ bản về các tuyến và điểm du lịch thuộc các tỉnh Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ: địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế...; đặc điểm cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và sản phẩm du lịch đặc thù của các địa phương.

- CLO2: Hình thành và vận dụng tri thức để phân tích, đánh giá, so sánh đặc điểm các sản phẩm du lịch; từ đó hoàn thiện xây dựng bài thuyết minh phục vụ khách tham quan các tỉnh phía Bắc.

- CLO3: Thuyết trình, thuyết minh du lịch và tác nghiệp hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp.

- CLO4: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường nghề nghiệp

## 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh	0	0	0	10	0	20
<b>Nội dung 2</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Quảng Bình - Thừa Thiên Huế	0	0	0	10	0	20
<b>Nội dung 3</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam	0	0	0	10	0	20
<b>Nội dung 4</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn	0	0	0	15	0	20

tuyến điểm du lịch Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi						
<b>Nội dung 5</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch Khánh Hòa - Ninh Thuận - Bình Thuận	0	0	0	15	0	20
<b>Nội dung 6</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch tại Tây Nguyên	0	0	0	15	0	20
<b>Nội dung 7</b> Xây dựng và thực hành hướng dẫn tuyến điểm du lịch duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	0	0	0	15	0	15
<b>TỔNG</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình.

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Thực hành	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Thực hành	Đề bài thu hoạch	CLO 1	50%
2	Bài thu hoạch	Rubric đánh giá bài thu hoạch thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học

trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[1]. Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (2016), *Bản đồ du lịch Việt Nam (Vietnam Travel Atlats)*, TN-MT & bản đồ VN.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[1] Trần Đức Thanh (chủ biên) (2017). *Giáo trình Địa lý du lịch*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyển Điểm Du Lịch Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

## **31. PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG/ SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT**

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 18 TL, 6 TH)

- Mã học phần: 127030

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về du lịch bền vững (khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí), phân biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm; vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong phát triển du lịch bền vững; marketing trong du lịch bền vững; các chiến lược quản lý du khách tại điểm đến; phương pháp lập quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch bền vững. Người học được hoàn thiện các kỹ năng mô tả, chứng minh được sự phát triển bền vững của một điểm đến hoặc một dự án du lịch; chỉ rõ được sự khác biệt giữa du lịch bền vững và du lịch có trách nhiệm, chỉ rõ chiến lược marketing bền vững của các tổ chức quản lý điểm đến, các doanh nghiệp du lịch; xây dựng được kế hoạch phát triển du lịch bền vững tại một điểm đến hoặc một địa phương.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Hệ thống hóa được lý luận về phát triển du lịch bền vững: khái niệm, nguyên tắc, biểu hiện, nội dung và vận dụng để phân tích được mục tiêu, chiến lược, quy trình của việc quy hoạch, quản lý và marketing của điểm đến hay doanh nghiệp phát triển du lịch bền vững.

- CO2: Hình thành và xây dựng kỹ năng thu thập dữ liệu, thông tin, viết báo cáo phân tích các yếu tố ảnh hưởng và nội dung phát triển du lịch bền vững. Sinh viên biết lập kế hoạch và trình bày kế hoạch phát triển DLBV cho điểm đến hay doanh nghiệp du lịch.

- CO3: Bồi dưỡng năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, hợp tác nhóm, tổ chức nhóm: nâng cao nhận thức và mối quan hệ giữa hoạt động du lịch với môi trường, tài nguyên và xã hội

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: SV nhận biết và hiểu được cơ sở lý thuyết của PT DLBV. Vận dụng cơ sở lý thuyết để phân tích được mục tiêu, chiến lược và quy trình đối với các nội dung trong PTDLBV: quy hoạch, quản lý và marketing của một điểm đến hoặc một doanh nghiệp du lịch. Định hướng và lựa chọn giải pháp phát triển DLBV đối với một số khu vực sinh thái nhạy cảm.

- CLO2: Thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu, thông tin và viết báo cáo phân tích mức độ PTDL của điểm đến và các yếu tố ảnh hưởng đến PTDLBV. Lập KH, trình bày kế hoạch phát triển DLBV cho điểm đến hay doanh nghiệp du lịch

- CLO3: Phát triển năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, hợp tác nhóm, tổ chức nhóm; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về phát triển du lịch bền vững	4	5	0	0	0	15
Quy hoạch phát triển du lịch bền vững	5	5	0	0	0	15
Quản lý phát triển du lịch bền vững	5	4	0	2	0	20
Marketing du lịch bền vững	2	2	0	2	0	20
Định hướng và một số giải pháp phát triển DLBV	2	2	0	2	0	20
<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...



## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I. Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
5	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO1,2,3	
<b>II. Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,2,3	20%
<b>III. Thi cuối kì (01)</b>				
1	Vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp	CLO1,2,3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

[2]. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb Giáo dục

[3]. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*. NXB Đại học QGHN.

## **32. TỔ CHỨC SỰ KIỆN VÀ DU LỊCH MICE/ EVENT ORGANIZATION AND MICE TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (15 LT, 0TL, 60 TH)
- Mã học phần: 127043
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học khái niệm, nhận dạng được hoạt động tổ chức sự kiện, loại hình du lịch MICE và nội dung tổ chức sự kiện. Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định nhu, nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện, môi trường và điều kiện phát triển du lịch MICE. Khả năng tổ chức - quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về sự kiện, vai trò và các loại hình sự kiện, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện. Du lịch MICE và nắm chắc các lý thuyết về kiến thức cơ bản của hệ thống kinh tế, ngành du lịch, kinh doanh du lịch, lưu trú, một số nguyên lý cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong việc tổ chức, vận hành và quản trị du lịch MICE

- CO2: Xác lập phương pháp phân tích, đo lường, đánh giá quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện, hoạt động “xây dựng kế hoạch tổ chức sự kiện”. Lập ngân sách và kế hoạch tổ chức một sự kiện hội nghị, hội thảo (MICE) trong du lịch.

- CO3: Ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện. Marketing và bán dịch vụ MICE. Thực thi tổ chức được một sự kiện một cách thành thạo cho doanh nghiệp.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Khai quát và luận giải được các khái niệm cơ bản về sự kiện. Xác định được vai trò và các loại hình sự kiện, khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện.

- CLO2: Thành thạo quy trình tổ chức sự kiện, các chất liệu và hiệu ứng thường sử dụng trong sự kiện. Phân tích, tổng hợp, đo lường, đánh giá, lập ngân sách và bán dịch vụ MICE

- CLO3: Áp dụng được các ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá cho sự kiện nói chung và du lịch MICE nói riêng Thực thi tổ chức được một sự kiện một cách thành thạo cho doanh nghiệp từ phân tích, hoạch định, triển khai và đo lường đánh giá.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về tổ chức sự kiện, về MICE trong du lịch	2	0	0	5	0	20
Hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách sự kiện	2	0	0	5	0	20
Lập kế hoạch tổ chức sự kiện	2	0	0	10	0	20
Lập ngân sách và lập kế hoạch cho một hội nghị, hội thảo	2	0		10		20
Kế hoạch Marketing và bán dịch vụ MICE	2	0	0	10	0	20
Thực hiện cung ứng dịch vụ MICE	2	0	0	10	0	20
Thực hành tổ chức sự kiện, tổ chức hoạt động MICE trong du lịch.	3	0	0	10	0	15
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubric kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1] Nguyễn Vũ Hà (2009) *Bài giảng Tổ chức sự kiện*, Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Vũ Mạnh Hà (2014), *Giáo trình kinh tế du lịch*, Nxb Giáo dục.

## 33. TỔ CHỨC HƯỚNG DẪN DU LỊCH / TOUR DESIGN AND OPERATION

- Số tín chỉ: 04 (30 LT, 0 TL, 60 TH)

- Mã học phần: 127039

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch

- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức: các khái niệm cơ bản về dịch vụ du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn, tổ chức tham quan theo chuyên đề và kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch..

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Khái quát nội dung kiến thức, các khái niệm cơ bản về dịch vụ du lịch, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tổ chức hướng dẫn du lịch.

- CO2: Xây dựng được quy trình quy trình tổ chức hướng dẫn du lịch, phương pháp hướng dẫn, tổ chức tham quan theo chuyên đề

- CO3: Xác lập và kỹ năng xử lý tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hướng dẫn du lịch..

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Khai thác, nắm bắt và vận dụng được các kiến thức nền tảng trong ngành du lịch.

- CLO2: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực nghề nghiệp trong ngành du lịch, từ đó thiết kế xây dựng chương trình du lịch trọn gói. Hình thành phương pháp

thuyết minh, hướng dẫn trong du lịch.

- CLO3: Áp dụng được các kiến thức, xác lập kỹ năng tổ chức hướng dẫn du lịch, xử lý tình huống trong quá trình tác nghiệp.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Những khái niệm cơ bản	5	0	0	10	0	30
Những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức hướng dẫn du lịch	5	0	0	10	0	30
Tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch	5	0	0	10	0	30
Phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch theo chuyên đề	5	0	0	10	0	30
Những kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ	5	0	0	10	0	30
Thực tế tại điểm tham quan du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng	5	0	0	10	0	30
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>180</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Lao động.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Văn Đính & Phạm Hồng Chương (2000), *Giáo trình Hướng dẫn du lịch*. NXB Thống kê.

[2]. Tổng cục du lịch (2013), *Tiêu chuẩn Kỹ năng nghề du lịch Việt Nam (VTOS), Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*.

## 34. NGHIỆP VỤ KHÁCH SẠN CƠ BẢN/ INTERSHIP ON HOTEL OPERATION

- Số tín chỉ: 04 (30LT, 0TL, 60TH)

- Mã học phần: 127062

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về tiêu chuẩn của nghề khách sạn và các tiêu chí, yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách lưu trú tại khách sạn đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Học phần cũng giới thiệu kỹ năng phục vụ buồng như kỹ năng làm giường, làm vệ sinh buồng khách.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Giúp người học nắm bắt các kiến thức thực tiễn về nghiệp vụ khách sạn

- CO2: Giúp người học thực hành và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, tương tác chuyên nghiệp với khách hàng và đồng nghiệp; xử lý được các tình huống khi phục vụ khách hàng; sử dụng máy móc, trang thiết bị làm việc tại khách sạn.

- CO3: Giúp người học nhận thức đúng về nội dung hoạt động của các bộ phận

kinh doanh trong khách sạn, có tác phong chuyên nghiệp và ý thức được văn hóa phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học xác định được chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí trong khách sạn, trình bày và vận dụng được quy trình tiêu chuẩn trong đón tiếp và phục vụ khách tại bộ phận lễ tân và buồng phòng.

- CLO2: Sinh viên giao tiếp và tương tác chuyên nghiệp với khách hàng và đồng nghiệp, thực hiện được quy trình nhận đặt buồng khách sạn, làm thủ tục nhận buồng và đăng kí khách sạn, phục vụ các dịch vụ trong thời gian lưu trú và tiễn khách; thực hiện được các công việc làm vệ sinh buồng khách, phòng tắm, khu vực công cộng; xử lý được các tình huống cơ bản trong quá trình phục vụ khách

- CLO3. Hình thành quan điểm đúng đắn về ngành, nghề du lịch, tin tưởng ở tương lai ngành học mà mình đã chọn, có nhận thức đúng các quy định về đạo đức nghề du lịch và các quy tắc ứng xử văn minh trong du lịch

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU BỘ PHẬN LỄ TÂN	3	0	0	0	0	30
CHƯƠNG 2: ĐẶT BUỒNG	4	0	0	10	0	20
CHƯƠNG 3: THỦ TỤC NHẬN BUỒNG VÀ ĐĂNG KÝ KHÁCH	4	0	0	10	0	20
CHƯƠNG 4: GIAO TIẾP VỚI KHÁCH LƯU TRÚ TẠI KHÁCH SẠN	4	0	0	10		20
CHƯƠNG 5: THANH TOÁN CHI PHÍ CỦA KHÁCH VÀ THU NGÂN	4	0	0	10		20
CHƯƠNG 6: TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG TẠI BỘ PHẬN LỄ TÂN	4	0	0	10		20
CHƯƠNG 7: GIỚI THIỆU BỘ PHẬN PHỤC VỤ BUỒNG	3	0	0	0		30
CHƯƠNG 8: QUY TRÌNH KỸ THUẬT PHỤC VỤ BUỒNG	4	0	0	10		20
<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>180</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, xử lý tình huống, đóng vai, thực hành ...

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thực hành nghiệp vụ lễ tân	Rubric đánh giá thực hành	CLO2	
4	Thực hành nghiệp vụ buồng	Rubric đánh giá thực hành	CLO2	
5	Xử lý tình huống trong khách sạn	Rubric đánh giá thực hành	CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	RUBRIC đánh giá kiểm tra giữa kỳ	CLO1-3	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Vấn đáp	Vấn đáp	CLO1-3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

B1. Nguyễn Thị Tú (2005), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*, NXB Thống kê

#### *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

T1. Tổng cục du lịch (2015), *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Lễ tân*. Bộ văn hoá thể thao du lịch.

T2. Tổng cục du lịch (2015), *Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam: Phục vụ buồng*. Bộ văn hoá thể thao du lịch.



### 35. NGHIỆP VỤ PHỤC VỤ NHÀ HÀNG/ RESTAURANT SERVICES

- Số tín chỉ: 03 (15 LT, 0TL, 60TH)
- Mã học phần: 127042
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng các trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng, vệ sinh, an toàn và an ninh trong kinh doanh ăn uống, kỹ thuật phục vụ ăn uống, tổ chức và phục vụ các loại tiệc, chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống, tổ chức lao động và kỹ năng quản trị, điều hành, giám sát trong nhà hàng

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về nhà hàng, vai trò và các loại hình kinh doanh nhà hàng
- CO2: Thực hiện tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động của nhà hàng
- CO3: Quản lý, điều hành hoạt động nhà hàng

#### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng những kiến thức để thực hiện thao tác kỹ thuật phục vụ ăn uống trong nhà hàng, các bữa ăn thường, ăn tiệc Âu và Á
- CLO2: Tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động nhà hàng.
- CLO3: Khả năng vận hành, quản lý và làm việc trong các nhà hàng đạt tiêu chuẩn chất lượng sao theo tổng cục du lịch và tiêu chuẩn quốc tế.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái niệm cơ bản về dịch vụ nhà hàng	2	0	0	10	0	20
Trang thiết bị và dụng cụ trong nhà hàng	2	0	0	10	0	20
Vệ sinh an toàn, an ninh trong kinh doanh ăn uống	2	0	0	10	0	20
Kỹ thuật phục vụ ăn uống	2	0	0	10	0	20
Tổ chức và phục vụ các loại tiệc	2	0	0	10	0	20
Chăm sóc khách hàng trong phục vụ ăn uống	2	0	0	5	0	20
Tổ chức lao động và kỹ năng điều hành giám sát trong nhà hàng	3	0	0	5	0	15
Thực tế tại nhà hàng	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

## 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubric kiểm tra giữa kỳ	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1. Vũ Thị Hòa (Chủ biên) (2012), *Giáo trình lý thuyết nghiệp vụ nhà hàng*, NXB Lao động Hà Nội.

**Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Thị Hòa (2012). *Bài giảng thực hành nghiệp vụ nhà hàng (lưu hành nội bộ)*. NXB Lao động Hà Nội.

2. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2018), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam, Nghiệp vụ nhà hàng*. (VTOS).

## 36. NGHIỆP VỤ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ĂN UỐNG/ FOOD PREPARATION SKILLS

- Số tín chỉ: 03 ( 15 LT, 0 TL, 60 TH)
- Mã học phần: 127051
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

### 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến. Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu. Phương pháp xây dựng thực đơn. Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm. Các xu hướng ẩm thực toàn cầu. Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản, cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về nguyên liệu chế biến và sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến
- CO2: Xác lập phương pháp phân tích, xây dựng thực đơn, Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm
- CO3: Áp dụng Các phương pháp chế biến và kỹ thuật chế biến món ăn, đồ uống, một số món ăn cơ bản, cũng như kỹ năng và nghệ thuật trang trí sản phẩm ăn uống.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát, kiến thức cơ bản về nguyên liệu, chất lượng nguyên liệu, chọn và bảo quản nguyên liệu, cơ cấu tổ chức của nhà bếp, cơ cấu tổ chức của khách sạn.
- CLO2: Thực hiện việc tính toán chi phí nguyên liệu, kỹ năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, lập bảng thống kê chi phí nguyên liệu.
- CLO3: Xây dựng được thực đơn, kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống với các phương pháp chế biến đa dạng.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Tổng quan về nguyên liệu chế biến sản phẩm ăn uống	2	0	0	5	0	15
Lựa chọn và bảo quản nguyên liệu	2	0	0	5	0	15
Thực hành và quy trình làm bếp	2	0	0	5	0	15
Sự biến đổi các chất trong quá trình chế biến sản phẩm ăn uống	2	0	0	5	0	15
Đại cương về các phương pháp	2	0	0	5	0	15

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
ché biến						
Kỹ thuật chế biến sản phẩm ăn uống	2	0	0	5	0	15
Phương pháp xây dựng thực đơn	2	0	0	5	0	20
Trang trí, kiểm tra chất lượng sản phẩm ăn uống	1	0	0	5	0	25
Thực tế tại nhà hàng ở địa phương	0	0	0	20	0	0
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện

dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1]. Trịnh Cao Khải (chủ biên) (2013). *Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn*. NXB Lao động.

### **Tài liệu tham khảo**

[1]. Hội đồng chứng chỉ nghiệp vụ du lịch (2005). *Kỹ thuật chế biến món ăn*. NXB Thanh Niên.

[2]. Tổng cục du lịch Việt Nam, (2009), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam*, Kỹ thuật chế biến món ăn Âu. (VTOS).

## **37. THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR/ TOUR DESIGN AND OPERATION**

- Số tín chỉ: 03 (15 LT, 0 TL, 60 TH)

- Mã học phần: 127031

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch

- Điều kiện tiên quyết: không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về nghiên cứu nhu cầu khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng, từ đó xây dựng lịch trình chi tiết cho chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch. Các phương pháp quảng cáo, tổ chức thiết kế và bán chương trình du lịch, hợp đồng du lịch, quản lý điều hành chương trình du lịch.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Khái quát nội dung kiến thức về nghiên cứu nhu cầu khách du lịch, khảo sát điều kiện cung ứng.

- CO2: Xây dựng lịch trình chi tiết cho chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán của chương trình du lịch.

- CO3: Xác lập phương pháp quảng cáo, tổ chức thiết kế và bán chương trình du lịch, hợp đồng du lịch, quản lý điều hành chương trình du lịch.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Khai thác, nắm bắt và vận dụng được các kiến thức nền tảng trong ngành dịch vụ du lịch.

- CLO2: Áp dụng kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực nghề nghiệp trong ngành du lịch, từ đó thiết kế xây dựng chương trình du lịch trọn gói.

- CLO3: Áp dụng được các ứng dụng và công cụ truyền thông để quảng bá tổ chức bán và thực hiện chương trình du lịch.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nghiên cứu nhu cầu khách du lịch	2	0	0	0	0	20
Khảo sát điều kiện cung ứng	2	0	0	0	0	20
Xây dựng lịch trình chi tiết	2	0	0	10	0	20
Xác định giá của chương trình du lịch	2	0	0	10	0	20
Phương pháp quảng cáo	2	0	0	10	0	20
Tổ chức bán chương trình du lịch	2	0	0	10	0	20
Quản lí điều hành chương trình du lịch	3	0	0	10	0	15
Thực tế tại doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khảo sát tuyến điểm du lịch.	0	0	0	10	0	0
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên</b>			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
4	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1.2	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kì</b>			
5	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1.2, CLO1.3	50%

#### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1]. Nguyễn Văn Đức (2011), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lý hành*, Nxb Lao động.

**Tài liệu tham khảo:**

[1]. Phạm Hồng Chương (2000), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, Nxb Thống kê.

[2]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## **38. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. THUYẾT MINH DU LỊCH/TRAVEL COMMENTARY**

- Số tín chỉ: 3 (15LT, 0TL, 60TH)

- Mã học phần: 127033

- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không:

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch tại điểm; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng nội dung thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng dụng nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Có kiến thức về công việc thuyết minh du lịch tại điểm

- CO2: Phân biệt được các văn bản thuyết minh du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn du lịch.

- CO3: Vận dụng các nguyên tắc khi thuyết minh du lịch.

- CO4: Phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình huống thực tế để lựa chọn phương pháp thuyết minh du lịch phù hợp.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu rõ và vận dụng được các kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch tại điểm
- CLO2: Phân tích và so sánh các loại hình thuyết minh
- CLO3: Hình thành kỹ năng xây dựng nội dung và phương pháp thuyết minh phù hợp

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: mở đầu về thuyết minh du lịch	3	0	0	0	0	30
Chương 2: xây dựng nội dung thuyết minh du lịch	6	0	0	20	0	30
Chương 3: thực hiện thuyết minh du lịch	6	0	0	20	0	30
Chương 4: thực hành thuyết minh du lịch	0	0	0	20	0	45
<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

#### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1	30%
2	Thuyết trình cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO2 CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1 CLO2 CLO3	20%



Thi cuối kì				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2 CLO3	

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[B1].Đình Trung Kiên (2006). *Nghệ vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[T1]. Trần Văn Mậu (2005), *Cẩm nang hướng dẫn viên du lịch*, NXB Giáo dục.

## **b. NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP TRONG DU LỊCH/THE ART OF COMMUNICATION IN TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (15LT, 0TL, 60TH)

- Mã học phần: 127058

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp một số vấn đề cơ bản về hoạt động giao tiếp, về nghệ thuật giao tiếp ứng xử, một số nghi thức giao tiếp tiêu biểu, về tâm lý và tập quán giao tiếp của một số quốc gia trên thế giới. Đồng thời, phân tích tâm lý du khách theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, theo quốc gia, châu lục. Phân tích một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến hoạt động du lịch. Cung cấp những kỹ năng giao tiếp trong du lịch, những phẩm chất cần có của một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch.

### **2. Mục tiêu của học phần**

- CO1: Hệ thống kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, nghệ thuật giao tiếp ứng xử và tâm lý du khách trong giao tiếp; đồng thời cung cấp những kỹ năng giao tiếp trong du lịch, những phẩm chất cần có của một nhân viên làm việc trong lĩnh vực du lịch.

- CO2: Xác lập được bản chất của giao tiếp, phân tích được đặc điểm tâm lý, và tập quán của con người trong quá trình giao tiếp,

-CO3: Phân tích được những trở ngại trong quá trình giao tiếp và phương pháp khắc phục những trở ngại.

- CO4: Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp văn minh của một nhân viên du lịch. Phân tích, tổng hợp, đánh giá để giải quyết tốt các tình huống xảy ra trong công tác du lịch.

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được các bước và các vai cơ bản của quá trình giao tiếp. Sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thông qua ngôn ngữ nói, ngôn ngữ biểu cảm, ngôn ngữ viết

- CLO2: Tạo lập được ấn tượng ban đầu trong giao tiếp, những yếu tố đảm bảo sự thành công trong giao tiếp.

- CLO3: Trình bày được các nghi lễ tiêu biểu để đón tiếp, tâm lý, sở thích, thói quen và cách làm hài lòng khách đến từ các nước trên thế giới.

- CLO4: Nắm vững được các bước cơ bản trong quá trình phục vụ và bán những dịch vụ, hàng hóa cho khách hàng. Đồng thời, có kiến thức và kỹ năng trong sử dụng điện thoại, gửi công văn, thư tín, gửi danh thiếp, gửi fax và giao tiếp qua internet.

- CLO5: Phân tích được vai trò của hoạt động giao tiếp trong du lịch, nắm vững và thực hành được các kỹ năng giao tiếp trong các hoạt động du lịch.

- CLO6: Hình thành thái độ, đạo đức ý thức tôn trọng khách hàng thông qua cử chỉ, hành động và lời nói; ý thức trong việc phục vụ chu đáo làm hài lòng khách hàng.

- CLO7: Hình thành thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập, giao tiếp và xử lý được tình huống trong hoạt động du lịch.

### 4. Nội dung của học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần					Tổng
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Tự học, Tự NC	
<b>Nội dung 1:</b> Một số vấn đề cơ bản trong hoạt động giao tiếp	2	0	0	5	20	
<b>Nội dung 2:</b> Nghệ thuật giao tiếp ứng xử	2	0	0	5	20	
<b>Nội dung 3:</b> Một số nghi thức tiêu biểu	2	0	0	10	20	
<b>Nội dung 4:</b> Tập quán giao tiếp và Tâm lý du khách theo quốc gia, dân tộc	2	0	0	10	20	
<b>Nội dung 5:</b> Tâm lý giao tiếp theo giới tính, lứa tuổi và nghề nghiệp	2	0	0	10	20	
<b>Nội dung 6:</b> Giao tiếp trong du lịch	2	0	0	10	20	

<b>Nội dung 7:</b> Nghệ thuật phục vụ khách sạn 5 sao	3	0	0	10	15	
<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>135</b>	

### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, ..

### 6. Hình thức và phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO6	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1 CLO2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO4	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO5 CLO6	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình

[1]. Thế Hùng (2013). Văn hoá ứng xử, kỹ năng giao tiếp thành công. NXB Giao thông vận tải.

## **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1]. Joe Vitale (Phúc Lâm dịch) (2019), *Thôi miên bằng ngôn từ*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

[2]. Dale Carnegie (Nguyễn Hiến Lê dịch) (2019), *Đắc Nhân Tâm*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

## **39. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. VĂN HÓA DU LỊCH/ TOURISM CULTURE**

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36TL, 0 TH)

- Mã học phần: 121053

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...), những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch. Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Cung cấp kiến thức về văn hóa; văn hóa du lịch; mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch; văn hóa du lịch và du lịch văn hóa. Có hiểu biết cơ bản về kiến thức văn hoá du lịch và việc vận dụng các kiến thức đó trong hoạt động kinh doanh lữ hành, khách sạn, dịch vụ, khai thác tài nguyên nhằm tạo sản phẩm du lịch nói chung, du lịch văn hoá nói riêng có sức hấp dẫn cao.

- CO2: Cung cấp những kiến thức về hiện trạng và xu hướng phát triển du lịch ở Việt Nam; Các phương diện biểu hiện của văn hóa du lịch trong phát triển du lịch ở Việt Nam.

- CO3: Biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển KT, có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KTXH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.

- CO4: Rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt các trách nhiệm công dân; hình thành ý thức vươn lên trở thành nhà quản trị du lịch giỏi.

#### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu biết được khái niệm văn hóa, văn hóa du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và văn hóa, chức năng, các yếu tố cấu thành, vai trò của văn hóa du lịch. Phân loại khách du lịch, những biểu hiện chủ yếu của khách du lịch, văn hóa của các thị trường khách du lịch. Phân biệt được các hình thức kinh doanh trong du lịch; phân tích đặc trưng, các nhân tố tác động đến văn hóa doanh nghiệp du lịch, các yếu tố cơ bản cấu thành văn hóa doanh nghiệp du lịch.

- CLO2: Tư duy theo hệ thống, có khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế

- CLO3: Bình tĩnh, tự tin, chăm chỉ, kỷ luật, nghiêm túc trong công việc; có tinh

thần đoàn kết, giúp đỡ.

#### 4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Khái quát chung về Văn hóa Du lịch	4	6	0	0	0	15
Nội dung 2: Văn hóa du lịch trong phát triển Du lịch ở Việt Nam	6	10	0	0	0	40
Nội dung 3: Văn hóa Du lịch trong kinh doanh Du lịch ở Việt Nam	10	10	0	0	0	40
Nội dung 4: Định hướng phát triển Du lịch ở Việt Nam	7	10	0	0	0	40
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống,....

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2 CLO3	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO2 CLO3	

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.

- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

**\*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1].Trần Thúy Anh (2016), *Du lịch văn hóa*, NXB Giáo dục.

**\* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

[1]. Trần Thúy Anh (2000), *Thế ứng xử cổ truyền với tự nhiên và xã hội của người Việt Châu thổ Bắc Bộ qua ca dao*, tục ngữ, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

[2]. Dương Văn Sáu (2017), *Văn hóa du lịch*, NXB Lao động, Hà Nội.

## **b. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP DU LỊCH/ CORPORATE CULTURE TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36TL, 0TH)

- Mã học phần: 127076

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – Du lịch.

### **1. Mô tả học phần**

Học phần được xây dựng theo hướng ứng dụng phát huy tối đa vai trò của người học để họ được trải nghiệm, phân tích những tình huống thực tế về văn hoá, đạo đức, từ đó ứng dụng vào thực tiễn hoạt động du lịch.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Sinh viên có kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp du lịch. Hiểu biết cơ sở lý luận, chức năng, vai trò, triết lý, cấu trúc văn hóa trong doanh nghiệp. Hội nhập nhanh vào môi trường làm việc của doanh nghiệp du lịch, kế thừa và phát triển các chuẩn mực của giá trị văn hóa tổ chức.

- CO2: Sinh viên hình thành kỹ năng tư duy theo hệ thống, làm việc một cách khoa học.

- CO3: Biết tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế, có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển doanh nghiệp.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Biết được các giá trị cốt lõi và hình ảnh của doanh nghiệp du lịch; Đánh giá giá trị của doanh nghiệp du lịch thông qua xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hóa.

- CLO2: Thiết lập các giá trị văn hóa doanh nghiệp du lịch dựa trên các nền tảng hiện có và các chuẩn mực của xã hội; Xây dựng hình ảnh doanh nghiệp du lịch thông qua thực thi văn hóa.

-CLO3: Lòng ghép trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp du lịch với văn hóa doanh nghiệp; Thí chứng và hội nhập nhanh vào môi trường làm việc của tổ chức.

- CLO4: Có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc; Hình thành ý thức phấn đấu vươn lên trở thành nhà quản trị giỏi.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan văn hóa doanh nghiệp	3	4	0	0	0	20
Chương 2: Các chức năng và nội dung cơ bản của văn hóa doanh nghiệp du lịch	6	6	0	0	0	25
Chương 3: Cấu trúc cơ bản hình thành văn hóa doanh nghiệp du lịch	6	10	0	0	0	30
Chương 4: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp du lịch	6	10	0	3	0	30
Chương 5: Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh du lịch	6	6	0	3	0	30
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại ,thảo luận nhóm, xử lý tình huống, ...

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2 CLO4	

Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2 CLO4	20%
Thi cuối kỳ				
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1 CLO2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO3 CLO4	

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### \*Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:

[1]. Trần Nhoãn (2009). *Văn hoá doanh nghiệp*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### \* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

[1]. Phan Huy Xu & Võ Văn Thành (2016). *Bàn về văn hoá du lịch Việt Nam*. NXB Tổng Hợp TPHCM.

[2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). *Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## 40. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN

### a. PHÁP LUẬT VỀ DU LỊCH/LAWS IN TOURISM

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 0TH)
- Mã học phần: 127085
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Không

#### 1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế để cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật trong lĩnh vực du lịch. Bao gồm: sự hình thành hệ thống pháp luật về du lịch; nguyên tắc, cách thức xây dựng văn bản pháp luật du lịch; nguyên tắc áp dụng các văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch; hệ thống các văn bản pháp luật về du lịch hiện hành ở Việt Nam, gồm có: Luật Du lịch và hệ thống văn bản pháp luật về du lịch hiện hành.

#### 2. Mục tiêu học phần



- CO1: Giúp người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về hệ thống pháp luật về du lịch ở Việt Nam

- CO2: Giúp người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày, viết báo cáo, thuyết trình các vấn đề những quy định của pháp luật trong lĩnh vực du lịch, soạn thảo các loại văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch.

- CO3: Giúp người học có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu rõ và trình bày được lịch sử hình thành hệ thống pháp luật về du lịch ở Việt Nam như sự hình thành các chế định pháp luật về du lịch đầu tiên trong Hiến pháp, các Luật du lịch và các văn bản pháp luật khác .

- CLO2: Vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật để thực hiện các quy trình, thủ tục pháp lý trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động du lịch.

- CLO3: Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế; Có kỹ năng soạn thảo các loại văn bản pháp luật nói chung, văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch nói riêng.

- CLO4: Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động với tư cách cá nhân hoặc đại diện cho tổ chức khi tham gia các hoạt động du lịch. Có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Đại cương về Pháp luật Du lịch	2	0	0			10
Nội dung 2. Quy chế pháp lý về khách du lịch	3	4	0			10
Nội dung 3. Quy chế pháp lý về tài nguyên du lịch	3	4	0			10
Nội dung 4. Quy chế pháp lý về điểm du lịch, khu du lịch	3	4	0			15
Nội dung 5. Quy chế pháp lý về kinh doanh du lịch	3	4	0			15
Nội dung 6. Quy chế pháp lý về hướng dẫn viên du lịch	3	4	0			15
Nội dung 7. Quy chế pháp lý về xúc	3	4	0			15

tiền và hỗ trợ phát triển du lịch						
Nội dung 8. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch	3	4	0			15
Nội dung 9. Quản lý nhà nước về du lịch	3	4	0			15
Nội dung 10. Hợp đồng du lịch và các văn bản hành chính trong lĩnh vực du lịch	1	4	0			15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>			<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài liệu tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

### 6. Đánh giá kết quả học tập

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[1]. Luật Du lịch (2006), Nxb CTQG.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

[1]. Nguyễn Văn Lưu (2013), *Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN*, Nxb VH-TT.

[2]. Bùi Thị Hải Yến, (2013) *Quy hoạch Du lịch*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

## **b. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH/STATE MANAGEMENT OF TOURISM**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 36TL, 0TH)

- Mã học phần: 127086

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần được thiết kế để cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Bao gồm chủ thể, đối tượng quản lý nhà nước về du lịch; cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các nội dung quản lý nhà nước về du lịch như quản lý chiến lược du lịch, quản lý tài nguyên du lịch và xác định tuyến, điểm, khu, đô thị du lịch, quản lý hoạt động kinh doanh du lịch, quản lý tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động du lịch.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học hiểu được các kiến thức chuyên sâu về hệ thống pháp luật về du lịch ở Việt Nam

- CO2: Giúp người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm

việc nhóm, trình bày, viết báo cáo, thuyết trình các vấn đề những quy định của pháp luật trong lĩnh vực du lịch, soạn thảo các loại văn bản pháp luật trong lĩnh vực du lịch.

- CO3: Giúp người học có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu rõ và trình bày được các vấn đề cơ bản trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch như: chủ trương, đường lối phát triển du lịch của Đảng, Nhà nước; chủ thể, đối tượng quản lý; hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.

- CLO2: Sinh viên hiểu được vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước các cấp trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch. Vận dụng thành thạo các quy định của pháp luật để thực hiện các quy trình, thủ tục pháp lý trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động du lịch.

- CLO3: Sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế; Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình các vấn đề trong quản lý nhà nước về du lịch. Có ý thức kỷ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.

- CLO4: Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong mọi hoạt động với tư cách cá nhân hoặc đại diện cho tổ chức khi tham gia các hoạt động du lịch.

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1. Khái niệm quản lý nhà nước về du lịch	3	4	0	0	0	15
Nội dung 2. Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch ở Việt Nam hiện nay	3	4	0	0	0	15
Nội dung 3. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam	3	4	2	0	0	15
Nội dung 4. Hệ thống các văn bản pháp luật về du lịch hiện hành ở Việt Nam	3	4	0	0	0	20
Nội dung 5. Quản lý nhà nước về kinh doanh du lịch	4	5	1	0	0	20
Nội dung 6. Quản lý nhà nước về hướng dẫn du lịch	34	5	1	0	0	20
Nội dung 7. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch	4	5	1	0	0	15

Nội dung 8. Kỹ thuật soạn thảo hợp đồng du lịch và các văn bản hành chính trong lĩnh vực du lịch	3	5	1	0	0	15
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>36</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người học hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài liệu tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

### 6. Đánh giá kết quả học tập

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1,2,3,4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Vấn đáp	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài

tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[1]. Trường cán bộ Thanh tra Nhà nước (1997), *Một số vấn đề về quản lý nhà nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

[1]. Luật du lịch (2006), Nxb Chính trị Quốc gia

[2]. Nguyễn Văn Lư (2013), *Du lịch Việt Nam hội nhập trong ASEAN*, Nxb VH – TT.

## **41. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. MARKETING DU LỊCH/MARKETING IN TOURISM**

- Số tín chỉ: 02 (15LT, 0TL, 30 TH)

- Mã học phần: 125100

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản và cơ sở lý luận về marketing du lịch, môi trường marketing du lịch, thị trường du lịch và việc lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược marketing. Vận dụng các kiến thức này để xây dựng chiến lược marketing mix cho tổ chức doanh nghiệp du lịch.

#### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Giúp người học có những kiến thức về marketing du lịch: bản chất của hoạt động marketing du lịch, các mô hình marketing mix của các tổ chức doanh nghiệp du lịch, môi trường marketing du lịch, phân đoạn thị trường, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu, quy trình xây dựng chiến lược marketing.

- CO2: Giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để phân đoạn thị trường, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu; lập kế hoạch, tổ chức thực hiện chiến lược marketing cho một sản phẩm du lịch cụ thể và chiến lược marketing cho một công ty du lịch cụ thể.

- CO3: Giúp người học có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, làm việc độc lập, có tư duy, phản biện để giải quyết các vấn đề về du lịch. kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin.

- CO4: Giúp người học nhận thức đúng về nội dung hoạt động của marketing du lịch, có tác phong chuyên nghiệp của chuyên viên Marketing và ý thức được văn hóa

phục vụ chuẩn mực trong ngành dịch vụ du lịch.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được bản chất của hoạt động marketing du lịch, các mô hình marketing mix của các tổ chức doanh nghiệp du lịch. Phân tích được môi trường marketing của một tổ chức doanh nghiệp du lịch cụ thể. Xác định được điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của một tổ chức doanh nghiệp du lịch cụ thể.

- CLO2: Trình bày được kiến thức về qui trình phân đoạn thị trường, lựa chọn, định vị thị trường mục tiêu cho một tổ chức doanh nghiệp du lịch cụ thể. Trình bày được quy trình xây dựng chiến lược marketing.

- CLO3: Vận dụng được qui trình phân đoạn thị trường theo các tiêu chí khác nhau, lựa chọn thị trường mục tiêu và xác định hướng định vị cho doanh nghiệp. Vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để phân tích thị trường, hoạch định và lập kế hoạch chiến lược marketing cho một sản phẩm du lịch cụ thể và chiến lược marketing mix cho một tổ chức, doanh nghiệp du lịch cụ thể

- CLO4: Thực hiện thành thạo kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm. Hình thành kỹ năng lãnh đạo; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin. Hình thành kỹ năng giới thiệu, bán sản phẩm, dịch vụ du lịch, chăm sóc khách hàng.

- CLO5: Có nhận thức đúng về nội dung hoạt động của marketing du lịch. Có tác phong chuyên nghiệp của chuyên viên Marketing. Rèn luyện được thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động tự học

### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
<b>Nội dung 1:</b> Tổng quan về Marketing du lịch	2	0	0	4	0	10
<b>Nội dung 2:</b> Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	4	0	10
<b>Nội dung 3:</b> Chiến lược marketing của tổ chức doanh nghiệp du lịch	2	0	0	4	0	10
<b>Nội dung 4:</b> Chiến lược sản phẩm du lịch của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	4	0	15
<b>Nội dung 5:</b> chiến lược giá của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	4	0	15
<b>Nội dung 6:</b> Chiến lược phân phối của doanh nghiệp du lịch	2	0	0	5	0	15
<b>Nội dung 7:</b> Chiến lược xúc tiến hỗn hợp của doanh nghiệp du lịch	3	0	0	5	0	15
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài liệu tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu các tình huống thực tế thực tế môn học để phân tích về sự phân bố về tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, các tác động của hoạt động du lịch ở điểm đến du lịch. Nhận dạng, phân tích được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch; Đề xuất được giải pháp phát triển sản phẩm du lịch và khắc phục tính thời vụ trong du lịch. Hình thành lòng yêu nghề và ý thức hoạt động du lịch có trách nhiệm, bền vững.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

## 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO5	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kì	CLO1,2,3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		



## **7. Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### ***Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc***

[1] Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2013), *Giáo trình marketing du lịch*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### ***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo***

[1]. Philip Kotler (2007), *Marketing căn bản*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

## **b. XÚC TIẾN VÀ BÁN SẢN PHẨM DU LỊCH/PROMOTION AND SALE OF TOURISM PRODUCTS**

- Số tín chỉ: 2 (15LT, 0TL, 30TH)

- Mã học phần: 127012

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu các thành phần cơ bản của hoạt động quản trị xúc tiến du lịch cũng như sự tác động qua lại giữa các yếu tố trong chương trình xúc tiến du lịch. Cách thức để phân tích các quyết định chiêu thị quan trọng.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Hiểu rõ đặc điểm của hoạt động xúc tiến du lịch; Biết cách thức quản trị hoạt động quảng cáo.

- CO2: Biết cách chào hàng cá nhân; Biết xây dựng chương trình khuyến mại; Biết cách thức hoạt động PR.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu các khái niệm xúc tiến và xúc tiến du lịch, các kỹ năng và chiến lược xúc tiến du lịch.

- CLO2: Các loại sản phẩm du lịch, kỹ năng bán hàng và tư vấn cho khách hàng;

chiến lược/cách giới thiệu, bán sản phẩm du lịch cho khách hàng

- CLO3: Thực hành xúc tiến và bán sản phẩm du lịch Xây dựng được ý tưởng kinh doanh, hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ đề tài trước hội đồng; vận dụng vào thực tế.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bố số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1</b> Tổng quan về du lịch xúc tiến và tầm quan trọng của xúc tiến và bán sản phẩm du lịch; các công cụ và thủ thuật xúc tiến du lịch hiệu quả	1	0	0	2	0	10
<b>Nội dung 2</b> Tìm hiểu về thị trường du lịch: nghiên cứu phân tích thị trường; hành vi người tiêu dùng trong ngành du lịch; phân khúc và mục tiêu thị trường du lịch	1	0	0	2	0	10
<b>Nội dung 3</b> Quảng bá sản phẩm du lịch: Marketing hỗn hợp cho sản phẩm du lịch;Phát triển các chiến dịch quảng cáo hiệu quả; Chiến lược tiếp thị kỹ thuật số; Quan hệ công chúng và quản lý sự kiện; Khuyến mại và quảng cáo	2	0	0	2	0	10
<b>Nội dung 4</b> Bán sản phẩm du lịch: Kỹ thuật và chiến thuật bán hàng; Kỹ năng và kỹ thuật đàm phán; Dịch vụ khách hàng và quản lý quan hệ; Kỹ thuật bán chéo và bán thêm	2	0	0	4	0	10
<b>Nội dung 5:</b> Kỹ Thuật Bán Hàng: Tìm hiểu quy trình bán hàng; Xây dựng mối quan hệ với khách hàng;. Kết thúc bán hàng và theo dõi	2			4		
<b>Nội dung 6</b> Quản lý hoạt động du lịch: Quản lý và phát triển sản phẩm; Quản lý chuỗi cung ứng và hàng tồn kho; Chiến lược định giá và quản lý lợi nhuận; Kênh phân phối và	2	0	0	4	0	10

thương mại điện tử						
<b>Nội dung 7</b> Thách thức và Cơ hội trong ngành Du lịch: Những thách thức về kinh tế và chính trị; Các vấn đề về môi trường và tính bền vững; Tiến bộ công nghệ và tác động của chúng; Xu hướng toàn cầu và thị trường mới nổi	2	0	0	4	0	10
<b>Nội dung 8</b> Nghiên cứu điển hình và ứng dụng thực tế: Phân tích ví dụ thực tế; Bài tập nhóm và đóng vai; Đánh giá các kỹ năng và năng lực đạt được trong khóa học	2	0	0	4	0	10
<b>Nội dung 9</b> Phân kết luận: Tóm tắt các khái niệm chính; Cơ hội nghề nghiệp trong ngành du lịch; Triển vọng quảng bá và bán sản phẩm du lịch trong xu thế Hội nhập, toàn cầu hoá và hậu Covid; Suy nghĩ và khuyến nghị cuối cùng	1	0	0	4	0	10
<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO2, CLO3	50%

2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
---	---------------------------	-----------------------------	--	--

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Hoàng Trọng & Hoàng Thị Phương Thảo (2007) *Quản trị chiêu thị (Quản trị truyền thông tiếp thị)*, NXB Thống kê.

### 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[1]. Philip Kotler (2010), *Quản trị Marketing*, NXB Thống kê, Hà Nội.

## 42. CHỌN 1 TRONG 3 HỌC PHẦN

### a. DU LỊCH SINH THÁI/ECOTOURISM

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 16TL, 20TH)
- Mã học phần: 125035
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

#### 1. Mô tả học phần

Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về DLST, tài nguyên DLST, các loại hình DLST. Các kiến thức, các phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động DLST trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái, các khu bảo tồn, vườn quốc gia.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái (DLST) và quản lý các dự án DLST tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia.; phương pháp thực hiện nhãn hiệu xanh tại các điểm du lịch, các khách sạn, nhà hàng phục vụ du lịch và thực hiện văn hóa văn phòng xanh.

- CO2: Trang bị các phương pháp, kỹ năng để có thể tham gia xây dựng các quy hoạch, kế hoạch quản lý, phát triển DLST, làm việc tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển. Bên cạnh đó, sinh viên có kỹ năng tổ chức và hướng dẫn DLST trong hoạt động kinh doanh du lịch.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái (DLST).
- CLO2: Biết cách quản lý các dự án DLST tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia...
- CLO3: Đưa ra các phương pháp thực hiện nhãn hiệu xanh tại các điểm du lịch, các khách sạn, nhà hàng phục vụ du lịch và thực hiện văn hóa văn phòng xanh.
- CLO4: Phát triển các kỹ năng để có thể làm việc tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.

### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bố số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Tổng quan du lịch sinh thái	5	1	0	0	0	20
Nội dung 2 Tài nguyên du lịch sinh thái – Các hệ sinh thái rừng Việt Nam	5	3	0	0	0	20
Nội dung 3 Du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn thiên nhiên	5	3	0	0	0	20
Nội dung 4 Quản lý du lịch sinh thái	4	3	0	0	0	20
Nội dung 5 Định hướng phát triển DLST ở Việt Nam	4	3	0	0	0	20
Nội dung 6 Xây dựng sản phẩm DLST trong hoạt động kinh doanh lữ hành ở Việt Nam	4	3	0	0	0	20
Nội dung 7 Đi thực tế (Tham quan thực tế 1 điểm DLST (Pù Luông hoặc Cúc Phương)	0	0	0	20	0	15
<b>Ôn tập và tổng kết</b>	0	0	0	0	0	
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp

kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Trắc nghiệm	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1	
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Thi viết	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

[1]. Lê Huy Bá (2009), *Du lịch sinh thái*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

### 8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

[2] Phạm Trung Lương, *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục (2001)

## b. DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ HOMESTAY/ COMMUNITY TOURISM AND HOMESTAY

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 16TL, 20TH)
- Mã học phần: 127069
- Bộ môn quản lý: Việt Nam học - Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Tổng quan du lịch

### 1. Mô tả học phần

Học phần DLCĐ nghiên cứu những kiến thức cơ bản về DLCĐ và homestay như khái niệm DLCĐ, homestay, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCĐ, kinh doanh homestay đến kinh tế, xã hội và môi trường. Mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và homestay. Đặc biệt, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCĐ, tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những nội dung học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCĐ và homestay tại một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nhận dạng được những loại hình kinh doanh của DLCĐ, các tác nhân chính trong phát triển DLCĐ.

- CO2: Nắm được các tiêu chuẩn phổ biến của dịch vụ homestay, những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công;

- CO3: Nắm được những nguyên tắc và quy trình thực hiện dịch vụ homestay, cung cấp những kiến thức cần thiết để tổ chức kinh doanh và quản lý homestay hiệu quả.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hóa và trình bày được các khái niệm cơ bản về DLCĐ, phân loại được các hình thức, điều kiện phát triển, mục tiêu, định hướng cùng những tác động tích cực và tiêu cực của DLCĐ

- CLO2: Phân loại được những loại hình kinh doanh DLCĐ, thị trường mục tiêu của DLCĐ, xây dựng các bước cần thiết để triển khai mô hình DLCĐ

- CLO3: Trình bày được các khái niệm homestay, mối quan hệ giữa phát triển DLCĐ và Homestay. Các tiêu chuẩn phổ biến của dịch vụ homestay, những điều kiện cần thiết để dịch vụ homestay thành công.

- CLO4: Nắm vững những nguyên tắc và quy trình thực hiện hoạt động du lịch cộng đồng và dịch vụ homestay. Cung cấp kiến thức cần thiết để tổ chức kinh doanh và quản lý Homestay hiệu quả.

- CLO5: Áp dụng thực tiễn phát triển du lịch cộng đồng và Homestay tại một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Nội dung 1 : Du lịch cộng đồng và các hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng</b>	9	5	0	0	0	40
<b>Nội dung 2: Hướng dẫn quy hoạch</b>	9	5	0	0	0	35

<b>phát triển du lịch cộng đồng</b>						
<b>Nội dung 3: Homestay và các hoạt động kinh doanh dịch vụ homestay</b>	9	6	0	0	0	30
<b>Nội dung 4. Thực tế điểm DLCD và Homestay tại địa phương</b>	0	0	0	20	0	30
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO3	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1 CLO2	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn	CLO3 CLO4	

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện



dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình chính**

[1]. Bùi Thị Hải Yến (CB) (2012), *Du lịch cộng đồng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu tham khảo**

[1] . Nguyễn Đình Hoè, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

[2] . Nguyễn Văn Mạnh & Hoàng Thị Lan Hương (2013). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

## **c. DU LỊCH TÔN GIÁO VÀ TÂM LINH/ Religious and spiritual tourism**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 16TL, 20TH)

- Mã học phần: 127074

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết:

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp những vấn đề lý luận cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng, tâm linh; các tài nguyên văn hóa và di sản văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng chủ yếu được khai thác trong du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng; những yêu cầu, nguyên tắc tổ chức, quản lý, khai thác các giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng vào hoạt động kinh doanh du lịch; tôn giáo, tín ngưỡng và sự phát triển du lịch bền vững. Phát huy giá trị văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng trong hội nhập và phát triển thông qua hoạt động du lịch. Bảo tồn văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng trong du lịch.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Những kiến thức chung về khái niệm tâm linh, tôn giáo, du lịch, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh tôn giáo.

- CO2: Vận dụng các phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong học tập và nghiên cứu khoa học. Đồng thời sử dụng các tư liệu của học phần để học các học phần khác.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hiểu, nhớ, phân tích, so sánh được các khái niệm tâm linh, tôn giáo, du lịch, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh tôn giáo.

- CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về hệ thống tín ngưỡng tâm linh, tôn giáo, lễ hội truyền thống tại các vùng du lịch trên cả nước.

- CLO3: Nắm vững được các điểm du lịch tâm linh tôn giáo tiêu biểu của mỗi vùng du lịch. Đồng thời xây dựng được tour du lịch cho loại hình du lịch tâm linh tôn giáo.

- CLO4: Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong và ngoài môi trường học tập, nghề nghiệp.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>CHƯƠNG 1:</b> Lý luận chung	3	2	0	0	0	0
<b>CHƯƠNG 2:</b> Du lịch tâm linh tôn giáo tại vùng du lịch trung du và miền núi phía bắc	3	2	0	0	0	20
<b>CHƯƠNG 3:</b> Du lịch tôn giáo tâm linh tại vùng du lịch đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc	3	2	0	0	0	20
<b>CHƯƠNG 4:</b> Du lịch tâm linh tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ	3	2	0	0	0	20
<b>CHƯƠNG 5:</b> Du lịch tâm linh tại vùng du lịch duyên hải nam trung bộ	3	2	0	0	0	20
<b>CHƯƠNG 6:</b> Du lịch tâm linh tôn giáo tại vùng du lịch Tây Nguyên	4	2	0	0	0	20
<b>CHƯƠNG 7:</b> Du lịch tâm linh tôn giáo tại vùng du lịch Đông Nam Bộ	4	2	0	0	0	10
<b>CHƯƠNG 8:</b> Du lịch tâm linh tôn giáo tại vùng du lịch Tây Nam bộ	4	2	0	0	0	10
<b>CHƯƠNG 9:</b> Thực hành du lịch tâm linh tôn giáo		0	0	20	0	15
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>16</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

#### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

#### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (03)</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1,CLO2	30%
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO3, CLO4	
4	Kiểm tra viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	

<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>				20%
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2	
<b>Thi cuối kì (01)</b>				50%
1	Viết tự luận	Đáp án đề kiểm tra tự luận	CLO1,CLO2, CLO3	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

B1. Dương Văn Sáu (2018), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Nxb Lao Động

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

T1. Nguyễn Trường Tân (2019), *Cẩm nang du lịch văn hóa tâm linh Việt Nam*, Nxb Thanh niên.

T2. Lê Thị Tuyết Mai (2017), *Du lịch lễ hội Việt Nam*, Nxb Lao động.

## **43. CHỌN 1 TRONG 2 HỌC PHẦN**

### **a. KINH TẾ DU LỊCH/ TOURISM ECONOMY**

- Số tín chỉ: 02 (15LT, 0TL, 30TH)

- Mã học phần: 151001

- Bộ môn phụ trách: Kinh tế

- Học phần tiên quyết: Không

#### **1. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho người học các kiến thức liên quan đến kinh tế du lịch; các xu hướng trong du lịch, điều kiện để phát triển du lịch, cơ sở vật chất và kỹ thuật trong

du lịch, lao động trong du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch và tổ chức quản lý ngành du lịch.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trình bày và phân tích được các kiến thức căn bản về kinh tế du lịch.
- CO2: Vận dụng được kiến thức để thực hiện hoạt động: xây dựng chính sách quy hoạch, tổ chức quản lý du lịch.
- CO3: Có tính tự chủ, chịu trách nhiệm với hoạt động kinh doanh du lịch

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hóa và hiểu rõ các khái niệm đặc thù của kinh tế du lịch; phân biệt được với các hoạt động kinh tế khác.
- CLO2: Phân tích, đánh giá được nhu cầu thị trường du lịch, hiệu quả kinh tế của ngành du lịch của doanh nghiệp và địa phương.
- CLO3: Hình thành kỹ năng xử lý các số liệu thống kê và tính toán các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế du lịch.
- CLO4: Hình thành thái độ học tập tích cực, tư duy năng động trong kinh doanh du lịch.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Khái niệm về kinh tế du lịch	3	0	0	0		20
Nội dung 2: Những biến số của kinh tế vĩ mô trong du lịch	4	0	0	10		25
Nội dung 3: Thị trường du lịch	4	0	0	13		25
Nội dung 4: Hiệu quả kinh tế du lịch	4	0	0	13		20
<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

## 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

## 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1	30%

2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2, CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
<b>Thi cuối kì</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[1]. Nguyễn Văn Đính (2014), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[2]. Đoàn Thị Mỹ Hạnh (2018), *Quản trị du lịch*, Đại học Mở Tp.HCM

## **b. KINH DOANH DỊCH VỤ BỔ SUNG / BUSINESS ADDITIONAL SERVICES**

- Số tín chỉ: 02 (15 LT, 0TL, 30 TH)

- Mã học phần: 127038

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học – du lịch

- Điều kiện tiên quyết: không

## 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học nội dung kiến thức về các khái niệm cơ bản, những thuật ngữ sử dụng trong kinh doanh dịch vụ bổ sung, tầm quan trọng của chất lượng dịch vụ trong kinh doanh du lịch. Đồng thời cung cấp những kiến thức tổng quan về ngành kinh doanh giải trí cũng như loại hình kinh doanh dịch vụ bổ sung, các vấn đề hoạch định kinh doanh dịch vụ bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh du lịch, khách sạn.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa được các khái niệm cơ bản về dịch vụ, dịch vụ bổ sung, vai trò và các hình thức kinh doanh dịch vụ bổ sung.

- CO2: Thực hiện tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung trong nhà hàng, khách sạn, công ty du lịch và doanh nghiệp lữ hành.

- CO3: Quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung trong nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản tổng quát về dịch vụ, chất lượng dịch vụ, các hình thức kinh doanh dịch vụ bổ sung.

- CLO2: Tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ sung trong nhà hàng, khách sạn, công ty du lịch, doanh nghiệp lữ hành.

- CLO3: Khả năng làm việc trong các nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp kinh doanh du lịch, lữ hành.

## 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chất lượng dịch vụ khách sạn - du lịch	2	0	0	0	0	10
Tàu du lịch - nghiên cứu từ góc độ một khu nghỉ dưỡng trên biển	2	0	0	0	0	10
Tổng quan về ngành công nghiệp giải trí	2	0	0	10	0	10
Quản lý công viên chuyên đề và công viên giải trí	3	0	0	10	0	20
Quản lý giải trí Casino	3	0	0	0	0	20
Thực tế tại khách sạn, nhà hàng, resort có kinh doanh dịch vụ bổ sung	3	0	0	10	0	20
<b>Tổng</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>

## 5. Hình thức dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, thực hành ...

## 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2, CLO3.3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2, CLO2.3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Viết	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1.2	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
				50%

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### 8.1. Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc

[1]. Sơn Hồng Đức (2012), *Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng Resort, lí luận thực tiễn*, Nxb Phương Đông.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Tuấn Ngọc (2010). *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*. NXB Lao động.

### III. THỰC TẬP TN, KLTN/HP THAY THẾ

#### 44. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 5TC (0, 0, 150)

- Mã học phần: 127092

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: VNH-DL

- Điều kiện tiên quyết: Tích lũy được 70% số tín chỉ các môn học thuộc ngành QTKS

##### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên trực tiếp làm việc tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, các tổ chức nghiên cứu và quản lý nhà nước về kinh tế, du lịch, các trường cao đẳng, dạy nghề du lịch. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan, doanh nghiệp du lịch, và được bố trí tiếp cận công việc giám sát viên, giám sát bộ phận, nhân viên sale, lễ tân, buồng, bàn, bar tại các cơ sở kinh doanh lưu trú.

##### 2. Mục tiêu của học phần

- CLO1: Tổng hợp và vận dụng được các kiến thức chung, chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào giải thích, phân tích tình huống thực tế công tác quản trị tại một cơ sở kinh doanh lưu trú.

- CLO2: Vận dụng và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian; kỹ năng thương lượng và xử lý tình huống, kỹ năng viết báo cáo.

- CLO3: Hình thành lối sống lành mạnh, hành vi ứng xử chuyên nghiệp, thể hiện được sự trung thực, tâm huyết và đáng tin cậy trong công việc; có khả năng chủ động thực hiện công việc, biết chia sẻ thông tin với đồng nghiệp và tuân thủ luật pháp. Phần đầu trở thành người quản lý vừa chuyên vừa hồng.

##### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào phân tích các tình huống thực tế công việc quản trị tại một cơ sở kinh doanh lưu trú.

- CLO2: Phân tích được các nguyên lý, cách thức lập kế hoạch tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động kinh doanh khách sạn.

- CLO3: Áp dụng thành thạo kỹ năng lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực và đánh giá hoạt động kinh doanh của khách sạn, đưa ra các nhận định về công tác quản trị của khách đơn vị thực tập và đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả tại doanh nghiệp.

- CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình.

- CLO5: Người học có năng lực tư duy sáng tạo, có khả năng học hỏi chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn thực hiện thực tập tại các đơn vị. Hoàn thành báo cáo thực tập được đánh giá mức đạt trở lên.



#### 4. Nội dung của học phần

Nội dung	Yêu cầu	Thời gian
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp	- Tìm hiểu tình hình chung của đơn vị thực tập. + Đặc điểm tổ chức, cơ cấu và hoạt động của đơn vị thực tập + Cách thức quản lý và tổ chức các hoạt động của khách sạn.	10 tuần
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp	Sinh viên lựa chọn nghiên cứu sâu một chuyên đề và viết một báo cáo TTTN liên quan đến lĩnh vực hoạt động của khách sạn theo mẫu quy định.	

#### 5. Hình thức dạy và học

Theo quy định hiện hành, giảng viên và sinh viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch nghiên cứu.

Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Căn cứ để đánh giá kết quả thực tập của sinh viên gồm 3 phần sau:

Phần 1: Hồ sơ (Bao gồm Kế hoạch thực tập, Báo cáo GD 1, đề cương Báo cáo GD 2, Nhật ký thực tập) được đánh giá với trọng số 20% do GVHD chấm.

Phần 2: Căn cứ vào kết quả đánh giá của cơ sở thực tập (Trọng số 20%)

Phần 3: Báo cáo TTTN (Trọng số 60%), chấm theo nguyên tắc chấm 2 vòng độc lập do khoa đề nghị (là điểm Trung bình cộng của 2 vòng)

Điểm thực tập của sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10.

+ Điểm của cơ sở thực tập

+ Điểm của giáo viên: chấm 2 vòng độc lập của GVHD và GV trong bộ môn; điểm chấm dựa trên các tiêu chí đã được quy định về: Hình thức, kết quả nghiên cứu, tài liệu tham khảo, hồ sơ thực tập, nhận xét của đơn vị

#### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực tập, hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ theo quy định, không vi phạm quy chế thực tập tại đơn vị sẽ được đánh giá kết quả.

Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, hoàn thành báo cáo đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.

#### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

##### 8.1. Giáo trình

[1]. Đoàn Hương Lan (chủ biên) (2013), *Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*. NXB Lao động.

##### 8.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Tú, (2005), *Nghiệp vụ phục vụ khách sạn*. NXB Thống kê.

[2]. Nguyễn Ngọc Dung (2018). *Văn hoá doanh nghiệp trong khách sạn tại Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP/HỌC PHẦN THAY THẾ  
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ GRADUATION THESIS**

- Số tín chỉ: 06
- Mã học phần: 127093
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết:

**1. Mô tả học phần**

- *Nội dung học phần:* Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập.

**2. Mục tiêu học phần**

- CO1. Sinh viên nắm vững và vận dụng được các kiến thức về nghiên cứu khoa học, kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.
- CO2. Sinh viên có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu và các phần mềm hỗ trợ để được các thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế, du lịch, quản trị kinh doanh. Sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin và trình bày báo cáo NCKH một cách rõ ràng, hợp lý, khoa học.
- CO3. Sinh viên có thái độ tích cực, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.

**3. Chuẩn đầu ra học phần**

*Học xong môn học này, sinh viên làm được (đạt được):*

- CO1: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu.
- CO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh tế, du lịch.
- CO3: Sinh viên có kỹ năng lựa chọn và thiết lập một đề tài nghiên cứu khoa học.
- CO4: Sinh viên có kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê để xử lý, phân tích dữ liệu.
- CO5: Có thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Sinh viên tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu.

**4. Nội dung học phần**

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu</b> 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài				15		50
<b>Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo.</b> 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo				15		50

<b>Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu</b> 3.1. Xây dựng kế hoạch 3.2. Tiến hành nghiên cứu				30		50
<b>Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu</b> 4.1. Yêu cầu khi hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. 4.2. Hoàn thiện Phụ lục đề tài				30		50
<b>Chương 5: Bản tóm tắt đề tài</b> 5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt 5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt				30		30
<b>Chương 6: Báo cáo kết quả nghiên cứu</b> 6.1. Yêu cầu về báo cáo 6.2. Các sản phẩm báo cáo 6.3. Phương pháp báo cáo				30		40
<b>Tổng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>150</b>		<b>270</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

- Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên. Trong quá trình sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên đọc và tìm tài liệu tham khảo liên quan, giải đáp các vướng mắc của sinh viên trong suốt quá trình nghiên cứu.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
	Đánh giá báo cáo tổng kết	Rubic Đánh giá báo cáo tổng kết KLTN	CLO1-3	100

### 7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

### 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

#### 8.1. Giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Văn Thắng (2014), Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh, Nhà xuất bản ĐH KTQD.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

1. Vũ Cao Đàm (2012) *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục
2. Phạm Việt Vượng (2002) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*: Nxb ĐHQGHN.

## HỌC PHẦN THAY THẾ KLTN

### 45. KINH DOANH LỮ HÀNH/TRAVEL BUSINESS

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 18TL, 18TH)
- Mã học phần: 127014
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: Thực tập tốt nghiệp

#### 1. Mô tả học phần

Thiết kế xây dựng chương trình du lịch, nghệ thuật tiếp cận với khách hàng để đàm phán, giới thiệu chương trình du lịch, xây dựng và ký kết các hợp đồng du lịch, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch và triển khai các công tác hậu mãi khác.

#### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu biết các kiến thức cơ bản về đặc điểm của ngành lữ hành; các khái niệm, thuật ngữ về lữ hành và kinh doanh lữ hành; hoạt động lữ hành hiện nay tại Việt Nam;
- CO2: Hiểu được khái niệm chương trình du lịch, phân loại được chương trình du lịch và nêu các bước trong quy trình chung xây dựng chương trình du lịch trọn gói;
- CO3: Có khả năng đặt dịch vụ cho chương trình du lịch; thực hiện được các bước điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch.

#### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu biết các kiến thức cơ bản về đặc điểm của ngành lữ hành; các khái niệm, thuật ngữ về lữ hành và kinh doanh lữ hành; hoạt động lữ hành hiện nay tại Việt Nam.
- CLO2: Vận dụng các phương pháp tiếp cận khách hàng, tiến hành đàm phán thống nhất nội dung chương trình du lịch và nhận biết và hoàn thiện các loại hợp đồng du lịch, ký kết hợp đồng;
- CLO3: Thực hiện được các bước xây dựng, điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch; báo cáo đánh giá, thanh quyết toán và giải quyết tồn tại chuyến đi, lưu hồ sơ của khách hàng.

#### 4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Tổng quan kinh doanh lữ hành	3	0		0	0	20
Nội dung 2 Cơ cấu tổ chức và quản trị nhân lực của doanh nghiệp lữ hành	3	2		2	0	20

Nội dung 3 Quan hệ của nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành	3	2		2	0	20
Nội dung 4 Tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành	3	3		3	0	20
Nội dung 5 Xây dựng chương trình du lịch.	6	5		5	0	20
Nội dung 6 Tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện các chương trình du lịch.	6	4		4	0	20
Nội dung 7 Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong kinh doanh lữ hành.	3	2		2	0	15
<b>TỔNG</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy và học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm/ thuyết trình

### 6. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra, học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1, CLO2, CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1, CLO2, CLO3	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				
1	Tự luận	Rubric kiểm tra giữa kỳ	CLO3	20%
<b>Thi cuối kỳ</b>				
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1, CLO2, CLO3	50%
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

**7. Yêu cầu đối với sinh viên:** Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học

trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu

## **8. Giáo trình/tài liệu tham khảo**

### **8.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

[1]. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2009), *Giáo trình quản trị kinh doanh lý hành*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### **8.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[1] Nguyễn Trung Khánh (chủ biên) (2008), *Giáo trình Marketing du lịch*. NXB Lao động - xã hội.

[2] Trịnh Xuân Dũng (1996). *Đại lý du lịch lý hành*. Trường Du lịch Hà Nội

## **46. THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH/DESIGN AND DEVELOP TOURISM PRODUCTS**

- Số tín chỉ: 03 (27LT, 18TL, 18TH)

- Mã học phần: 127059

- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học – Du lịch

- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần hệ thống lại các kiến thức về tài nguyên du lịch và những sản phẩm du lịch đặc thù của các vùng miền và của từng lĩnh vực nghề của ngành du lịch. Bên cạnh đó là những kiến thức về thị trường du lịch và những hành vi khách du lịch trong giai đoạn mới. Qua đó, sinh viên nhận thức được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch, phân tích được định hướng, giải pháp khai thác, phát triển các sản phẩm du lịch Việt Nam nhằm quảng bá giới thiệu hình ảnh của địa phương/quốc gia theo hướng phát triển bền vững.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành sản phẩm du lịch.

- CO2. Thiết kế được chương trình du lịch đáp ứng nhu cầu khách du lịch và phát triển sản phẩm du lịch theo hướng bền vững.

- CO3. Luôn sẵn sàng phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện xây dựng sản phẩm du lịch và ý thức tạo ra sản phẩm phục vụ cộng đồng

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

***Học xong môn học này, sinh viên làm được (đạt được):***

- CLO1: Phân tích được môi trường du lịch để xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp cho các tổ chức, doanh nghiệp du lịch. Chọn lọc được những ý tưởng mới để phát triển thành sản phẩm du lịch

- CLO2: Phân tích được các sản phẩm du lịch, các quan điểm phát triển du lịch, các khuynh hướng thay đổi tác động đến thái độ của các bên liên quan đối với ngành du lịch

- CLO3: Xây dựng được sản phẩm du lịch theo mục tiêu phát triển của tổ chức, doanh nghiệp du lịch; Quản trị được chu kỳ sống của sản phẩm du lịch và đề xuất các giải pháp phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường du lịch.

- CLO4: Chủ động phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và có các ý tưởng mới để xây dựng sản phẩm; Thực hiện các hoạt động du lịch có trách nhiệm vì sự phát triển bền vững du lịch gắn với lợi ích của cộng đồng.

#### 4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<b>Chương 1. Tổng quan về sản phẩm du lịch</b> 1. Một số khái niệm cơ bản 2. Những đặc tính của sản phẩm du lịch 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sản phẩm du lịch	6	3	0	0	0	25
<b>Chương 2: Phân tích môi trường du lịch</b> 1. Phân tích môi trường kinh doanh trong du lịch 2. Phân tích đối thủ cạnh tranh 3. Đặc điểm, xu hướng nhu cầu của khách du lịch	6	3	0	0	0	25
<b>Chương 3: Sản phẩm mới trong du lịch</b> 1. Khái niệm sản phẩm mới 2. Các hình thức sản phẩm mới 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm mới 4. Quy trình phát triển sản phẩm mới 5. Tình huống về phát triển sản phẩm mới	5	4	0	0	0	25
<b>Chương 4: Đánh giá ý tưởng sản phẩm du lịch mới</b> 1. Nguồn hình thành ý tưởng 2. Sàng lọc ý tưởng 3. Phản biện và phát triển ý tưởng 4. Xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm 5. Thực hành thiết kế và trình bày sản phẩm du lịch	5	4		8	0	25
<b>Chương 5: Phát triển sản phẩm du lịch</b> 1. Hoạch định chiến lược marketing	5	4	0	10	0	25

2. Phân tích kinh doanh						
3. Phát triển sản phẩm						
4. Thương mại hóa sản phẩm						
5. Quản trị chu kỳ sống sản phẩm du lịch						
6. Tham quan thực tế mô hình quản trị sản phẩm du lịch của doanh nghiệp						
<b>Tổng</b>	<b>27</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>135</b>

### 5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:

- **Giảng lý thuyết:** Chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết giảng để giải thích và định hướng cho người học hiểu được bản chất của các khái niệm, các đặc trưng và các điều kiện để phát triển du lịch.

- **Giảng theo phương pháp nêu vấn đề:** Sử dụng phương pháp nêu vấn đề để người học thảo luận các nội dung dựa trên các tài tham khảo, từ đó người học có thể trình bày được quan điểm của mình đối với các chủ đề của học phần, khuyến khích người học nêu các vấn đề mà mình tìm được trong quá trình nghiên cứu.

- **Giảng theo tình huống thực tế:** Sinh viên tìm hiểu các tình huống thực tế thực tế môn học để phân tích về sự phân bố về tài nguyên du lịch, sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, các tác động của hoạt động du lịch ở điểm đến du lịch. Nhận dạng, phân tích được các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch; Đề xuất được giải pháp phát triển sản phẩm du lịch và khắc phục tính thời vụ trong du lịch. Hình thành lòng yêu nghề và ý thức hoạt động du lịch có trách nhiệm, bền vững.

- **Thuyết trình kết quả thảo luận nhóm theo chủ đề:** Giảng viên nêu các chủ đề ở tiết đầu tiên của học phần để người học tiến hành chia nhóm và thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của mình, sau đó, từng nhóm sẽ trình bày kết quả nghiên cứu, trao đổi với giảng viên và các nhóm khác để làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến môn học.

- **Thảo luận nhóm để phân tích tình huống:** Sinh viên tiến hành thảo luận theo nhóm để phân tích tình huống. Tình huống sẽ cho dưới dạng văn bản, hoặc video thể hiện 1 tình huống cần giải quyết liên quan đến hoạt động du lịch. Mỗi nhóm có thể tập hợp từ 5 đến 7 sinh viên. Các chủ đề do giảng viên phân công tùy theo tình hình thực tế, số lượng sinh viên.

### 6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên</b>				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO3.1, CLO3.2,	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1.1, CLO1.2, CLO1.3	



3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO2.1, CLO2.2,	
<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>				20%
1	Tự luận	Rubic kiểm tra giữa kỳ	CLO1-3	
<b>Thi cuối kỳ</b>				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1-3	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric đánh giá bài tập lớn		

## 7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên và một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

## 8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

### *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc*

[1]. Nguyễn Trọng Đăng và cộng sự (2008), *Quản trị doanh nghiệp khách sạn – du lịch*, Nxb Thống kê.

### *Tài liệu tham khảo*

[1]. Trương Đình Chiến (2012), *Quản trị Marketing*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

[2]. Ngô Kim Thanh (2011), *Quản trị chiến lược*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

## VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Khoa học xã hội Nhân văn Hà Nội (<http://ussh.vnu.edu.vn/>)

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ĐH KHNH TPHCM (<http://hcmussh.edu.vn/>)

- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành Đại học Cần Thơ (<https://www.ctu.edu.vn/program.php?mn=5&pr=dh>) - Chương trình Cử nhân Quản lý du lịch quốc tế (Bachelor of International Tourism Management), Trường Đại học Công nghệ Auckland (Newzealand) , (<http://www.aut.ac.nz/>)

- Chương trình cử nhân quản lý du lịch và khách sạn quốc tế của Học viện Quản lý Châu Á (EASB, Singapore) (<http://www.easb.edu.sg/en/>)

## VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông, văn bằng 2: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
  
PGS.TS. Đậu Bá Thìn